

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**

Họ và tên sinh viên : Phạm Thị Ngọc Hà  
Mã số sinh viên : 4154040169  
Lớp : Kế toán K41C  
GVHD : ThS. Trần Thu Vân

BÌNH ĐỊNH/ THÁNG 6 NĂM 2022

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bài báo cáo khóa luận tốt nghiệp: **“Hoàn thiện Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long”** là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Đây là sản phẩm tôi đã nỗ lực nghiên cứu trong quá trình học tập, thực tập dưới sự hướng dẫn của ThS. Trần Thu Vân và cũng có tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc rõ ràng. Tôi xin cam đoan nếu có vấn đề gì tôi xin chịu mọi trách nhiệm hoàn toàn.

Bình Định, ngày ... tháng ... năm 2022

Sinh viên

Phạm Thị Ngọc Hà

## NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên thực hiện: Phạm Thị Ngọc Hà

Lớp: Kế toán 41C                      Khóa: 41

Tên cơ sở thực tập: **Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long**

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

### **I. Nội dung nhận xét:**

1. Tình hình thực hiện: .....

.....

2. Nội dung của Báo cáo: .....

.....

- Cơ sở số liệu:.....

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:.....

3. Hình thức của Báo cáo: .....

- Hình thức trình bày: .....

- Kết cấu của Báo cáo:.....

4. Những nhận xét khác:.....

.....

### **II. Đánh giá cho điểm:**

.....

.....

*Quy Nhơn, ngày....tháng .... năm*

2022

Giảng viên hướng dẫn

## NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN

Họ tên sinh viên thực tập: Phạm Thị Ngọc Hà

Lớp: Kế toán 41C

Khóa: 41

Tên cơ sở thực tập: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

### **I. Nội dung nhận xét:**

1. Nội dung của Báo cáo: .....

- Cơ sở số liệu: .....

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:.....

2. Hình thức của Báo cáo: .....

- Hình thức trình bày: .....

- Kết cấu của Báo cáo:.....

3. Những nhận xét khác:.....

### **II. Đánh giá cho điểm:**

.....  
.....  
.....

*Quy Nhơn, ngày....tháng .... năm 2022*

Giảng viên phản biện

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	iv
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	ix
DANH MỤC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH .....	x
LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1. Tổng quan về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....</b>	<b>3</b>
<i>1.1.1. Thành phẩm .....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.1. Khái niệm.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.2. Các phương pháp tính giá nhập kho và xuất kho với thành phẩm.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Tiêu thụ thành phẩm .....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.2.1. Khái niệm.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.2.2. Các phương thức tiêu thụ thành phẩm .....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.3. Các khái niệm khác quan liên quan .....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.3.1. Doanh thu .....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.3.3. Giá vốn hàng bán .....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.3.4. Chi phí quản lý kinh doanh .....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.4. Xác định kết quả kinh doanh .....</i>	<i>9</i>
<b>1.2. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....</b>	<b>10</b>
<i>1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>10</i>
<i>1.2.1.1. Chứng từ sử dụng .....</i>	<i>10</i>
<i>1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....</i>	<i>10</i>
<i>1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....</i>	<i>13</i>

1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	13
1.1.2.2. Tài khoản sử dụng .....	13
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán .....	14
<b>1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....</b>	<b>15</b>
1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	15
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	15
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	16
<b>1.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....</b>	<b>17</b>
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	17
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	17
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	18
<b>1.2.5. Kế toán thu nhập và chi phí khác .....</b>	<b>20</b>
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	20
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	20
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán .....	21
<b>1.2.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....</b>	<b>23</b>
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng: Tờ khai quyết toán thuế theo quý, năm.....	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....	23
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán .....	24
<b>1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</b>	<b>25</b>
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng .....	25
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng .....	25
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán .....	26
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG .....</b>	<b>27</b>
<b>2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.</b>	<b>27</b>
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty .....	27

2.1.1.1 Tên, địa chỉ của Công ty.....	27
2.1.1.2. Quá trình phát triển của Công ty .....	28
2.1.1.3. Quy mô hiện tại của Công ty .....	28
2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của Công ty, đóng góp vào Ngân sách nhà nước qua các năm .....	28
<b>2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mục tiêu của Công ty.....</b>	<b>29</b>
2.1.2.1. Chức năng của Công ty .....	29
2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty.....	29
<b>2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....</b>	<b>30</b>
2.1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu của Công ty.....	30
2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty .....	30
2.1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty .....	31
2.1.3.4. Đặc điểm về các nguồn lực chủ yếu của Công ty.....	31
<b>2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty .....</b>	<b>32</b>
2.1.4.1. Giới thiệu quy trình .....	32
2.1.4.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.....	33
<b>2.1.5. Đặc điểm và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty .....</b>	<b>34</b>
2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý.....	34
2.1.5.2. Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban.....	34
<b>2.1.6. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty .....</b>	<b>35</b>
2.1.6.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty.....	35
2.1.6.2. Những vấn đề chung ảnh hưởng đến công tác kế toán của Công ty.....	37
2.1.6.3. Hình thức ghi sổ đang áp dụng của Công ty.....	38
2.1.6.4. Các chính sách kế toán áp dụng của Công ty .....	40
2.1.6.5. Tình hình vận dụng chế độ chứng từ kế toán .....	41
<b>2.2. Thực trạng về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Việt Long.....</b>	<b>41</b>

<b>2.2.1. Đặc điểm tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty .....</b>	<b>41</b>
2.2.1.1. Phương pháp tiêu thụ thành phẩm của Công ty.....	41
2.2.1.2. Phương pháp xác định giá xuất kho của Công ty .....	42
<b>2.2.2. Kế toán tổng hợp bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.....</b>	<b>42</b>
2.2.2.1. Kế toán doanh thu .....	42
2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	49
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	55
2.2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính .....	62
2.2.2.5. Kế toán thu nhập và chi phí hoạt động khác .....	65
2.2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	65
<b>2.3. Đánh giá thực trạng kế toán bán hàng xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Việt Long.....</b>	<b>97</b>
<b>2.3.1. Ưu điểm .....</b>	<b>97</b>
2.3.1.1. Chứng từ kế toán và quy trình chứng từ kế toán .....	97
2.3.1.2. Nhận xét về hình thức “Chứng từ ghi sổ” .....	97
2.3.1.3. Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh.....	97
2.3.1.4. Về việc hạch toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	97
<b>2.3.2. Nhược điểm .....</b>	<b>98</b>
2.3.2.1. Về công tác ghi chép sổ sách kế toán .....	98
2.3.2.2. Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán .....	98
2.3.2.3. Về trích lập các khoản dự phòng.....	98
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG 100</b>	
<b>3.1. Một số định hướng phát triển của Công ty.....</b>	<b>100</b>
<b>3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty .....</b>	<b>102</b>



<b>3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long .....</b>	<b>102</b>
<b>3.2.2. Phương hướng hoàn thiện.....</b>	<b>102</b>
<b>3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....</b>	<b>103</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>114</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>115</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1	BCTC	Báo cáo tài chính
2	BGD	Ban Giám đốc
3	BH và CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
4	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
5	BHXH	Bảo hiểm xã hội
6	BHYT	Bảo hiểm y tế
7	BPBTL	Bảng phân bổ tiền lương
8	BTC	Bộ Tài chính
9	CSH	Chủ sở hữu
10	CTGS	Chứng từ ghi sổ
11	ĐT & XD	Đầu tư và Xây dựng
12	ĐVT	Đơn vị tính
13	KKTX	Kê khai thường xuyên
14	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
15	KTT	Kế toán trưởng
16	LNST	Lợi nhuận sau thuế
17	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
18	NN	Nông nghiệp
19	PTNT	Phát triển nông thôn
20	PC	Phiếu chi
21	PKC	Phiếu kết chuyển
22	PKT	Phiếu kế toán
23	QLDA	Quản lý dự án
24	SH	Số hiệu
25	SXKD	Sản xuất kinh doanh
26	TK	Tài khoản
27	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
28	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
29	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30	TSCĐ	Tài sản cố định

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH**

### **❖ Sơ đồ:**

Sơ đồ 2.1: Biểu diễn quy trình tư vấn dự án.....	32
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.....	33
Sơ đồ 2.3: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty .....	34
Sơ đồ 2.4: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	36
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ .....	39
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy .....	40

### **❖ Bảng :**

Bảng 1.1: Tổng tài sản, nguồn vốn của Công ty đến tháng 12/2021 .....	28
Bảng 1.2: Kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 3 năm 2019-2021 .....	29
Bảng 1.3: Cơ cấu về nguồn vốn kinh doanh của Công ty năm 2021 .....	31
Bảng 1.4: Tình hình TSCĐ của công ty tại 31/12/2021 .....	31
Bảng 1.5: Tình hình lao động của Công ty.....	32

### **❖ Hình :**

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA.....	108
Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting .....	109
Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán 3TSoft.....	109

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Trong bối cảnh nước ta ngày càng phát triển nhằm thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu thì xây dựng cơ bản lại có vai trò hết sức quan trọng là xây dựng nên hệ thống cầu, đường, trường, trạm, các công trình dân dụng,...- kết cấu hạ tầng kinh tế đất nước. Do đó các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp được thành lập ngày càng nhiều và luôn chịu sự cạnh tranh gay gắt bởi các Công ty khác ở trong và ngoài nước.

Để đứng vững trên thương trường các doanh nghiệp luôn tìm cách làm sao vừa giữ và tìm kiếm thêm khách hàng vừa đảm bảo kinh doanh có lợi. Muốn làm được điều đó thì doanh nghiệp phải luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm của mình, phải có những biện pháp đúng đắn trong chiến lược kinh doanh, chiến lược giá cả tạo lợi thế cạnh tranh. Đồng thời Công ty phải tổ chức tốt công tác quản lý, công tác kế toán, theo dõi chặt chẽ tình hình bán hàng và kết quả kinh doanh đạt được. Nhiệm vụ của bộ phận kế toán trong doanh nghiệp là phải cung cấp thông tin kịp thời, đáng tin cậy về tình hình bán hàng, kết quả kinh doanh cho Ban giám đốc họ nắm rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp mình. Thông qua Báo cáo tài chính cuối niên độ, cụ thể là Báo cáo kết quả kinh doanh, biết được sau một năm doanh nghiệp mình kinh doanh lãi hay lỗ, phân tích nguyên nhân kết quả đạt được, từ đó có cơ sở hoạch định chiến lược và đề ra những quyết định kinh doanh đúng đắn trong niên độ tới.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của BGD Công ty và sự hướng dẫn của Thạc sĩ Trần Thu Vân em chọn đề tài nghiên cứu của mình là “Kế Toán Bán Hàng và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long”.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung: Nghiên cứu kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long nhằm:

- + Hệ thống cơ sở lý luận về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp.
- + Phản ánh thực trạng kế toán về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

+ Đề xuất phương hướng hoàn thiện kế toán về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

- Phạm vi không gian: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.
- Phạm vi thời gian: Tháng 12/2021.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để hoàn thành báo cáo này em đã sử dụng các phương pháp:

+ Thu thập số liệu: Tìm hiểu tình hình thực tế tại Công ty và tham khảo các tài liệu có liên quan. Phỏng vấn trực tiếp và nghiên cứu, tìm hiểu các sổ sách, báo cáo kế toán của Công ty để thu thập những số liệu cần thiết cho đề tài.

+ Xử lý số liệu: Bằng những phương pháp so sánh, phương pháp đối chiếu, phương pháp tổng hợp số liệu và phương pháp phân tích. Thông qua việc tổng hợp những số liệu, chứng từ làm cơ sở để tiến hành nghiên cứu.

Cùng với các cơ sở kiến thức đã học tại nhà trường kết hợp với việc nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó rút ra được bài học kinh nghiệm cho bản thân.

### **5. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục bảng biểu, sơ đồ, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các từ viết tắt, phụ lục, bài báo cáo thực tập tốt nghiệp gồm 3 chương:

*Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp.*

*Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.*

*Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.*

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.1. Tổng quan về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

### 1.1.1. Thành phẩm

#### 1.1.1.1. Khái niệm

Thành phẩm là sản phẩm đã được chế tạo xong ở giai đoạn chế biến cuối cùng của quy trình công nghệ trong xí nghiệp, được kiểm nghiệm đủ tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và đã nhập kho.

#### 1.1.1.2. Các phương pháp tính giá nhập kho và xuất kho với thành phẩm

❖ Phương pháp tính giá nhập kho thành phẩm:

a) Cách tính giá nhập kho thành phẩm do DN tự sản xuất:

+ Là giá thành sản xuất tùy theo cách tính giá thành của từng doanh nghiệp.

b) Cách tính giá nhập kho thành phẩm thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\text{Giá nhập} = \text{Giá trị hàng xuất đi gia công} + \text{Chi phí gia công, chế biến} + \text{Chi phí khác}$$

❖ Cách tính giá xuất kho thành phẩm:

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC thì có các phương pháp tính giá xuất kho, là:

1. Tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

Là phương pháp được áp dụng trên giả định hàng hóa nào nhập trước thì được xuất trước, giá trị của hàng tồn kho sẽ là giá nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

2. Tính giá xuất kho theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

a) Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ.

Đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tuỳ theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng. Mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một loại thành phẩm} = \frac{(\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ})}$$

b) Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Sau mỗi lần nhập thành phẩm kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{(\text{Trị giá thành phẩm tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thành phẩm nhập trước lần xuất thứ } i)}{(\text{Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng thành phẩm nhập trước lần xuất thứ } i)}$$

3. Phương pháp giá thực tế đích danh.

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán. Chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

### **1.1.2. Tiêu thụ thành phẩm**

#### **1.1.2.1. Khái niệm**

Tiêu thụ thành phẩm là việc đưa thành phẩm từ lĩnh vực sản xuất vào lĩnh vực lưu thông để thực hiện việc tiêu dùng theo những mục đích đã xác định khi bắt đầu sản xuất. Quá trình tiêu thụ này, phát sinh các quan hệ về chuyển giao sản phẩm hàng hoá và thanh toán giữa đơn vị kinh tế với khách hàng, trong đó phát sinh các nghiệp vụ kinh tế về chi phí bán hàng như quảng cáo, vận chuyển bốc dỡ,... Quá trình tiêu thụ

được coi là hoàn thành khi hàng hoá thực sự đã tiêu thụ tức là khi quyền sở hữu về hàng hoá đã chuyển từ người bán sang người mua.

#### *1.1.2.2. Các phương thức tiêu thụ thành phẩm*

##### - Phương thức tiêu thụ trực tiếp:

Là phương thức tiêu thụ mà người mua sẽ nhận hàng trực tiếp tại doanh nghiệp (tại quầy hàng, tại kho, tại các bộ phận sản xuất) khi đã thanh toán tiền hàng hoặc đã chấp nhận thanh toán. Trong trường hợp này sản phẩm đã giao cho khách hàng được xác định tiêu thụ ngay.

##### - Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận:

Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận là phương thức mà bên bán chuyển hàng cho theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng được bên mua chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu về số hàng đó.

##### - Phương thức trả chậm, trả góp:

Bán hàng trả chậm, trả góp là khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng. Khoản lãi do trả chậm, trả góp sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

##### - Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương pháp mà hàng gửi đại lý là số hàng mà bên chủ hàng giao, gọi là bên giao đại lý xuất hàng cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao theo hai cách: hưởng hoa hồng hoặc hưởng chênh lệch giá.

##### - Một số hình thức tiêu thụ khác:

Ngoài các phương thức tiêu thụ chủ yếu trên, các doanh nghiệp còn sử dụng vật tư, hàng hóa, sản phẩm để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ nhân viên, để biếu tặng, quảng cáo, chào hàng hay sử dụng sản phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh, để trao đổi lấy hàng khác.

Dù tiêu thụ bằng phương thức nào, chỉ khi nào nhận được tiền thanh toán của người mua hoặc sự chấp nhận thanh toán tiền của người mua thì việc tiêu thụ mới được ghi chép trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về thành phẩm bán



ra được thực hiện bằng nhiều phương thức: Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng, thanh toán bằng bù trừ công nợ,...

### **1.1.3. Các khái niệm khác quan liên quan**

#### **1.1.3.1. Doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “*Doanh thu và thu nhập khác*” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: “*Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu*”.

#### **Điều kiện và thời điểm ghi nhận doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (chuẩn mực 14) thì doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn điều kiện như sau:

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng thỏa mãn điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ thỏa mãn điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Thời điểm ghi nhận:**

- Căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo luật định. Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài

chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất trong hợp đồng kinh tế).

Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu các hoạt động khác.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hoá...bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm: tiền lãi, cho thuê tài sản, đầu tư mua bán chứng khoán, chuyển nhượng,...

- Doanh thu từ các hoạt động khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như: thu từ việc bán vật tư hàng hóa, tài sản dư thừa, công cụ dụng cụ đã phân bổ hết..., khoản thu từ việc chuyển nhượng thanh lý tài sản...

**Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

**Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp giảm cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

**Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

+ Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

#### *1.1.3.3. Giá vốn hàng bán*

Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ, bất động sản đầu tư, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Giá vốn hàng bán bao gồm: chi phí mua máy móc, dụng cụ, nguyên vật liệu; chi phí sản xuất hàng hóa; nhân công; quản lý doanh nghiệp; vận chuyển... Tùy vào hợp đồng với đơn vị cung cấp hay loại hình Công ty mà các chi phí cấu thành giá vốn khác nhau.

#### *1.1.3.4. Chi phí quản lý kinh doanh*

Chi phí kinh doanh là toàn bộ những hao phí về lao động, chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm sản phẩm và những hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp. Bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng bao gồm: các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương và các khoản trích bảo hiểm, vật liệu, công cụ, khấu hao TSCĐ, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và các khoản trích bảo vật liệu văn phòng, công

cụ lao động, khấu hao TSCĐ, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

#### **1.1.4. Xác định kết quả kinh doanh**

Khái niệm: Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính; kết quả hoạt động khác.

#### **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh:**

Cuối kỳ kinh doanh, kế toán xác định KQKD, công việc này được tiến hành trên TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. Để xác định KQKD, ta cần tính theo các công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả kinh} & = & \text{Kết quả hoạt} & + & \text{Kết quả hoạt} & + & \text{Kết quả hoạt} \\ \text{doanh} & & \text{sản xuất kinh} & & \text{động tài chính} & & \text{động khác} \\ & & \text{doanh} & & & & \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt} & = & \text{Doanh thu thuần} & - & \text{Giá vốn} & - & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{sản xuất kinh} & & \text{về BH và CCDV} & & \text{hàng bán} & & \text{kinh doanh} \\ \text{doanh} & & & & & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt} & = & \text{Doanh thu thuần} & - & \text{Chi phí hoạt} & - & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} & & \text{hoạt} & & \text{động tài chính} & & \text{động tài chính} \\ & & & & & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \\ \text{động khác} & & & & & & \end{array}$$

Lợi nhuận là khoản chênh lệch giữa doanh thu của doanh nghiệp và chi phí mà doanh nghiệp đó đầu tư vào hoạt động sản xuất để đạt được mức doanh thu ấy. Lợi nhuận được coi là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động kinh doanh, sản xuất... của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & = & \text{Lợi nhuận thuần} & + & \text{Lợi nhuận khác} \\ \text{kế toán} & & \text{từ hoạt động} & & & & \\ \text{trước thuế} & & \text{kinh} & & & & \\ & & \text{doanh} & & & & \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{LN thuần} & = & \text{Lợi nhuận gộp} & + & \text{Doanh thu} & - & \text{Chi phí tài} & - & \text{Chi phí quản} \\ \text{từ HĐKD} & & \text{về BH và} & & \text{hoạt động tài} & & \text{chính} & & \text{lý kinh} \\ & & \text{CCDV} & & \text{chính} & & & & \text{doanh} \\ & & & & & & & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận gộp} & = & \text{Doanh thu thuần} & - & \text{Giá vốn} \\ \text{về BH và} & & \text{về BH và} & & \text{hàng bán} \\ & & & & \end{array}$$

CCDV

CCDV

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN: Là tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế TNDN từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm, theo công thức sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế – Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN là số thuế phải nộp tính trên thu nhập doanh nghiệp chịu thuế và thuế suất thuế TNDN năm hiện hành. Quy định tại điều 1 Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ tài chính (Sửa đổi, sửa đổi bổ sung Thông tư 78). Cụ thể như sau:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế: là thu nhập tính thuế TNDN của một kỳ, được xác định theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành và là cơ sở để tính thuế TNDN phải nộp.

- Thuế suất thuế TNDN: tùy vào loại hình doanh nghiệp và ngành kinh doanh do nhà nước quy định.

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển).

Thu nhập chịu thuế = Doanh thu – Chi phí được trừ + Các khoản thu nhập khác.

## **1.2. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### *1.2.1.1. Chứng từ sử dụng*

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng, bảng kê của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...)
- Các chứng từ khác có liên quan (Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại..)

#### *1.2.1.2. Tài khoản sử dụng*

 **Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch.

Kết cấu tài khoản:

### **TK 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT).</li> <li>- Các khoản giảm trừ doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của Đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>
--	--

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm 4 tài khoản cấp 2.

- + TK 5111 - Doanh thu từ việc bán hàng hóa
- + TK 5112 - Doanh thu từ việc bán các thành phẩm
- + TK 5113 - Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ
- + TK 5118 - Doanh thu khác

#### *1.2.1.3. Phương pháp hạch toán*

- Khi doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

+ Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 131, 111, 112: Số tiền thanh toán

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (thuế GTGT đầu ra được giảm).

- Doanh thu bán hàng qua đại lý:

+ Kế toán ở đơn vị giao hàng đại lý:

Nợ TK 157: Hàng gửi đi bán

Có các TK 155: Thành phẩm

+ Khi hàng hoá giao cho đại lý đã bán được, căn cứ vào Bảng kê hoá đơn bán ra của hàng hoá đã bán do các bên nhận đại lý hưởng hoa hồng lập gửi về kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ... ( tổng giá thanh toán )

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, ghi nhận doanh thu bán hàng là giá trả tiền ngay chưa có thuế GTGT:

Nợ TK 111, 112, 131...: Tổng số tiền thanh toán

Có TK 511: Theo giá bán trả ngay chưa có thuế

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 3387: Phần chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp so với giá bán trả tiền ngay.

- Doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

+ Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 131, 111, 112: Tổng giá trị thanh toán

Có TK 511: Giá bao gồm cả thuế GTGT

+ Định kỳ khi xác định số thuế GTGT phải nộp kế toán ghi giảm doanh thu, thu nhập tương ứng:

Nợ TK 511: Số tiền thuế GTGT phải nộp

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (33311)

- Khi doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán cho khách hàng.

Nợ TK 511: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131, 111, 112: Số tiền thanh toán..

- Khi doanh nghiệp nhận lại sản phẩm, hàng hóa bị trả lại, kế toán phản ánh giá vốn của hàng bán bị trả lại:

+ Thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bán bị trả lại thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi giảm doanh thu:

Nợ TK 511: Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (thuế GTGT hàng bị trả lại)

Có các TK 111, 112, 131: Số tiền thanh toán.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ sang tài khoản xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

### **1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

#### **1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng**

Căn cứ vào các chứng từ kế toán như:

+ Phiếu yêu cầu xuất vật tư/ Lệnh xuất kho, phiếu xuất kho.

+ Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa.

#### **1.1.2.2. Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”:** Dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

**TK 632 - Giá vốn hàng bán**

---



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911.</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ</li> <li>- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</li> </ul>
--	---



### 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX.

- Khi xuất bán các hàng hoá, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 154, 155, 156, 157, ...

- Phản ánh các khoản chi phí được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán: khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 152, 153, 156, 138 (1381), ...

- Hạch toán khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

+ Trường hợp số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

+ Trường hợp số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632: Giá vốn hàng bán.

- Hàng bán bị trả lại nhập kho, ghi:

Nợ TK 155: Thành phẩm

Có TK 632: Giá vốn hàng bán.

- Kết chuyển giá vốn hàng bán của các hàng hoá, dịch vụ được xác định là đã bán trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632: Giá vốn hàng bán.

### **1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

#### **1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn thuế GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ,
- Bảng kê thanh toán tạm ứng và các chứng từ khác có liên quan.

#### **1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản

#### **TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí QLKD thực tế phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả</li> <li>- Kết chuyển chi phí QLKD vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>
---	--



Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 cấp TK cấp 2:

+ TK 6421: Chi phí bán hàng.

+ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

- Tiền lương các khoản trích, tiền công, phụ cấp và các khoản khác phải trả cho nhân viên bộ phận quản lý kinh doanh, ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 334, 338:

- Trích khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý chung của doanh nghiệp: Nhà cửa, vật kiến trúc, kho tàng, thiết bị truyền dẫn,..., ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 214: Hao mòn TSCĐ.

- Thuế môn bài, tiền thuê đất,... phải nộp Nhà nước, ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh (6422)

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

- Giá trị vật liệu, dụng cụ, đồ dùng văn phòng xuất dùng hoặc mua vào sử dụng ngay cho bộ phận quản lý kinh doanh, ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu được khấu trừ)

Có TK 152, 153

Có các TK 111, 112, 242, 331,...

- Các chi phí khác phát sinh bằng tiền hoặc dịch vụ mua ngoài dùng cho quản lý kinh doanh, ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,...

- Hoa hồng bán hàng bên giao đại lý phải trả cho bên nhận đại lý, ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh (6421)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 131: Phải thu của khách hàng.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

### Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

#### 1.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

##### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Doanh thu hoạt động tài chính: Bảng tính lãi đi gửi, giấy báo Có ngân hàng, sổ phụ ngân hàng, phiếu thu, phiếu kế toán, các chứng từ có liên quan.

- Chi phí hoạt động tài chính: Bảng tính lãi vay đi vay, phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng, phiếu chi, phiếu kế toán, các chứng từ có liên quan.

##### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

✚ Nội dung doanh thu hoạt động tài chính:

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”:

Phản ánh doanh thu tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài chính (tiền bản quyền, nhãn hiệu thương mại, phần mềm vi tính), cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu của tài khoản:

#### TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản doanh thu và hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ</li> </ul>
--	---

✚ Nội dung chi phí hoạt động tài chính:

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”:

Dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, thuê tài sản tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư,...

Kết cấu của tài khoản

#### TK 635- Chi phí tài chính

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư và đơn vị khác</li> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>
---	--

#### 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

✚ Phương pháp hạch toán “Doanh thu hoạt động tài chính”:

- Khi nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư:

Nợ TK 138: Phải thu khác

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

- Khi thu hồi được các khoản lãi cho vay (bao gồm cả lãi trái phiếu), lãi tiền gửi, lãi trả chậm, trả góp, ghi:

Nợ TK 138: Phải thu khác

Nợ các TK 121, 128 (nếu lãi cho vay định kỳ nhận được nhập gốc)

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

- Hàng kỳ, xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi đối với các khoản cho vay hoặc mua trái phiếu nhận lãi trước, ghi:

Nợ TK 3387: Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

- Số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng do thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn được người bán chấp thuận, ghi:

Nợ TK 331: Phải trả cho người bán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

✚ Phương pháp hạch toán “Chi phí hoạt động tài chính”:

- Khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động bán chứng khoán, cho vay vốn, mua bán ngoại tệ,... ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có các TK 111, 112, 141,... : Số tiền thanh toán.

- Kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn đầu tư vào đơn vị khác khi lập Báo cáo tài chính ghi:

+ Trường hợp số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có các TK 2291, 2292: Dự phòng tổn thất tài sản.

+ Trường hợp số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ các TK 2291, 2292: Dự phòng tổn thất tài sản

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

- Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa, dịch vụ được hưởng do thanh toán trước hạn phải thanh toán theo thỏa thuận khi mua, bán hàng ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có các TK 131, 111, 112,...: Số tiền thanh toán.

- Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay dưới hình thức vay theo hợp đồng, khế ước thông thường (ngoài lãi vay phải trả),...nếu được tính vào chi phí tài chính ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có các TK 111, 112,...: Số tiền đi vay.

- Trả lãi vay :

+ Thanh toán định kỳ lãi tiền vay cho bên cho vay, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có các TK 111, 112,...: Tiền lãi đi vay.

+ Trả trước lãi tiền vay cho bên cho vay, ghi:

\* Khi trả trước tiền lãi vay:

Nợ TK 242: Chi phí trả trước

Có các TK 111, 112,...: Tiền lãi đi vay.

\* Định kỳ, khi phân bổ lãi tiền vay theo số phải trả từng kỳ vào chi phí tài chính:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 242: Chi phí trả trước.

+ Trả lãi sau:

\* Định kỳ, khi tính lãi tiền vay phải trả trong kỳ, nếu được tính vào chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 3411: Vay và nợ thuê tài chính

Có TK 335: Chi phí phải trả.

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

### **1.2.5. Kế toán thu nhập và chi phí khác**

#### **1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Thu nhập khác: Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản, biên bản đánh giá lại tài sản cố định, giấy báo Có ngân hàng, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan,...

- Chi phí khác: Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, hợp đồng kinh tế, biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan.

#### **1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

✚ Tài khoản sử dụng “Thu nhập khác”:

*Tài khoản 711 “Thu nhập khác”*: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm: thanh lý từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng,....

✚ Tài khoản sử dụng “Chi phí khác”:

*Tài khoản 811 “Chi phí khác”*: phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác như là: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ, các khoản chi phí khác,...

Kết cấu phản ánh của tài khoản:

**TK 811-Chi phí khác**

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” vào cuối kỳ.
<del>X</del>	

Kết cấu phản ánh của tài khoản:

**TK 711- Thu nhập khác**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ, thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng, khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
	- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
	- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
	- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
<del>X</del>	

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

✚ Phương pháp hạch toán “Thu nhập khác”

- Kế toán thu nhập khác phát sinh từ nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ:



+ Phản ánh số thu nhập về thanh lý, nhượng bán, thanh lý TSCĐ

Nợ các TK 111,112,131: Tổng giá thanh toán

Có TK 711: Thu nhập khác (Số thu nhập chưa có thuế GTGT)

Có TK 33311: Thuế GTGT phải nộp.

- Phản ánh các khoản phải thu khó đòi đã xử lý xóa sổ, nay thu lại được tiền:

+ Khi truy thu được khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, ghi:

Nợ các TK 111,112: Số tiền thu hồi được

Có TK 711: Thu nhập khác.

- Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ, quyết định xóa nợ và tính vào thu nhập khác, ghi:

Nợ TK 331: Phải trả cho người bán


Nợ TK 338: Phải trả, phải nộp khác

Có TK 711: Thu nhập khác.

- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ các TK 711: Thu nhập khác

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

 Phương pháp hạch toán “Chi phí khác”:

- Kế toán chi phí khác phát sinh từ nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ:

+ Các chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ TK 811: Chi phí khác

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 111, 112, 141, 331: Tổng giá thanh toán.

+ Đồng thời ghi giảm nguyên giá TSCĐ thanh lý, nhượng bán, ghi:

Nợ TK 811: Chi phí khác (giá trị còn lại)

Nợ TK 214: Hao mòn TSCĐ (giá trị hao mòn)

Có TK 211: Tài sản cố định (nguyên giá).

+ Ghi nhận khoản thu từ bán hồ sơ thầu liên quan đến hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 138...: Tổng số tiền thanh toán

Có TK 811: Chi phí khác.

- Hạch toán các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính, ghi:

Nợ TK 811: Chi phí khác

Có các TK 111, 112: Số tiền thanh toán

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339)

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác.

- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 811: Chi phí khác.

### **1.2.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

*1.2.6.1. Chứng từ sử dụng:* Tờ khai quyết toán thuế theo quý, năm...

*1.2.6.2. Tài khoản sử dụng*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – TK 821: Dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. Làm căn cứ xác định Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu tài khoản:

#### **TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

<p>- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.</p> <p>- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.</p>	<p>- Chênh lệch giữa số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp &lt; số thuế TNDN hiện hành tạm nộp.</p> <p>- Phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước làm giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.</p>
---	---

	- Kết chuyển chênh lệch Nợ TK 8211 > Có TK 8211 vào TK 911.
--	---



### 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

- Hàng quý, xác định số thuế TNDN tạm nộp

Nợ TK 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334: Thuế TNDN

- Cuối năm, căn cứ vào số thuế TNDN thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế TNDN:

+ Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp cả năm > số thuế TNDN đã tạm nộp thì ghi thêm bút toán bổ sung

Nợ TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334: Thuế TNDN

+ Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp cả năm < số thuế TNDN đã tạm nộp thì ghi bút toán điều chỉnh

Nợ TK 3334: Thuế TNDN

Có TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

- Nếu phát hiện ra sai sót không trọng yếu của các năm trước liên quan đến thuế TNDN phải nộp

+ Nếu sai sót làm tăng chi phí thuế TNDN hiện hành

Nợ TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334: Thuế TNDN

+ Nếu sai sót làm giảm chi phí thuế TNDN hiện hành

Nợ TK 3334: Thuế TNDN

Có TK 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành

-. Cuối kỳ làm bút toán kết chuyển

+ Nếu PS Nợ TK 821 > PS Có TK 821

Nợ TK 911: Xác định KQKD

Có TK 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành

+ Nếu PS Nợ TK 821 < PS Có TK 821

Nợ TK 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 911: Xác định KQKD

### 1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Chứng từ gốc phản ánh các khoản doanh thu, chi phí hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ....

- Bảng tính kết quả HĐKD, kết quả hoạt động khác.
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng.
- Phiếu kết chuyển.

#### 1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng và kết cấu của tài khoản: TK 911 và TK 421

✚ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”:

Dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu của tài khoản:

#### **TK 911-Xác định kết quả kinh doanh**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về bán hàng hàng hóa, và cung cấp dịch vụ trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.</li> </ul>
Kết chuyển lãi.	Kết chuyển lỗ.
✚	

#### **TK 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</li> <li>- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp. Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu. Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu.</li> <li>- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.</li> <li>- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.</li> <li>- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.</li> </ul>
---	---



### 1.2.7.3. Phương pháp hạch toán

- Cuối kỳ kế toán, thực hiện việc kết chuyển số doanh thu bán hàng thuần vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

Nợ TK 711: Thu nhập khác.

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 635: Chi phí tài chính.

Có TK 811: Chi phí khác.

- Cuối kỳ, kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh..

- Cuối kỳ, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

+ Kết chuyển lãi, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

+ Kết chuyển lỗ, ghi:

Nợ TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**

### **2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

##### **2.1.1.1 Tên, địa chỉ của Công ty**

- Tên công ty: Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Việt Long.
- Tên công ty viết tắt: VLC LTD.
- Địa chỉ: Lô 3, OLP2, khu đô thị Thương mại An Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế Thành phố Quy Nhơn
- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Xuân Trung                      Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0256.221.0369
- Fax: 0256 625 0766
- Mã số thuế: 4100594629
- Tài khoản: 5801 000 020 0880
- Email: [xuantrung.vietlong@gmail.com](mailto:xuantrung.vietlong@gmail.com)

- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ (một tỷ đồng)

#### 2.1.1.2. Quá trình phát triển của Công ty

Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long có Giấy phép Kinh doanh số 3502000705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 02 tháng 3 năm 2006

\* Các mốc quan trọng:

Giấy phép hoạt động Điện lực số 19/GP-SCT do Sở Công Thương cấp ngày 14/7/2020.

Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BID-00004695 hạng III do Sở xây dựng Bình Định cấp ngày 08/01/2019 và hạng II cấp ngày 06/8/2019.

Qua 16 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã được hầu hết các Chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh tin tưởng giao các công việc liên quan đến công tác Tư vấn thiết kế và Tư vấn giám sát các công trình; đặc biệt là công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, điện chiếu sáng, công trình hạ tầng kỹ thuật...

#### 2.1.1.3. Quy mô hiện tại của Công ty

Công ty hiện có tất cả 19 CNV và được chia thành hai bộ phận. Trong đó:

- Bộ phận gián tiếp gồm có: Bộ phận Kế toán - Văn phòng.
- Bộ phận trực tiếp gồm có: Bộ phận Kỹ thuật

Tổng số vốn kinh doanh đến ngày 31/12/2021 của công ty là 5.782.554.890 đồng, trong đó:

**Bảng 2.1: Tổng tài sản, nguồn vốn của Công ty đến tháng 12/2021**

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
I. Tài sản ngắn hạn	1.987.589.224	I. Nợ phải trả	1.185.559.220
II. Tài sản dài hạn	3.794.965.666	II. Vốn chủ sở hữu	4.596.995.670
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.782.554.890</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.782.554.890</b>

(Nguồn: Phòng kế toán)

Như vậy, theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long thuộc loại hình công ty nhỏ và vừa.

#### 2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của Công ty, đóng góp vào Ngân sách nhà nước qua các năm

Kết quả kinh doanh của công ty qua các năm được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 3 năm 2019-2021***(ĐVT: Đồng)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>T.M</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.582.232.123	11.735.896.265	13.563.434.698
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		449.898.915	943.721.078	752.271.506
3. Chi phí thuế TNDN	51		89.979.783	188.744.216	150.454.301
4. LNST thu nhập doanh nghiệp	60		359.919.132	754.976.862	601.817.250

*(Nguồn: Phòng kế toán)*

Thông qua bảng ta thấy được doanh thu và lợi nhuận cả Công ty thay đổi qua các năm từ 2019-2021 là một dấu hiệu tốt.

Công ty đã nỗ lực để đạt được mục tiêu đề ra và ngày càng phát triển, mở rộng quy mô hoạt động trong điều kiện nền kinh tế hiện nay. Do vậy Công ty nên duy trì và phát triển điều này.

### **2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mục tiêu của Công ty**

#### **2.1.2.1. Chức năng của Công ty**

Công ty có chức năng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra nguồn lợi nhuận cho Công ty để góp phần củng cố và vận hành lợi nhuận mà Công ty đạt được một cách hiệu quả nhất.

Thông qua đó thúc đẩy phát triển nền kinh tế, đảm bảo tăng doanh thu, lợi nhuận, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng thu nhập cho các thành viên, thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách Nhà Nước và đáp ứng theo nhu cầu phát triển của Công ty.

#### **2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty**

Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích hoạt động của Công ty:

- Xây dựng tổ chức bộ máy, quản lý của Công ty thống nhất, đảm bảo một cách có hiệu quả nhất.



- Tổ chức mở rộng sản xuất, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, đáp ứng ngày càng nhiều các nhu cầu mới của xã hội.

- Đảm bảo chất lượng công trình thi công, an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

- Thực hiện báo cáo kế toán tài chính theo đúng quy hành của Bộ tài chính, chịu trách nhiệm và tính chính xác, trung thực của Báo cáo tài chính.

- Tuân thủ đúng các chính sách, chế độ, quy định của Nhà Nước, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp thuế.

### **2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

#### **2.1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu của Công ty**

- Loại hình kinh doanh: là Công ty thuộc lĩnh vực xây dựng và hoạt động theo luật kinh doanh.

- Các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu:

+ Tư vấn lập dự án đầu tư; Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát các công trình: đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 35kV.

+ Điện chiếu sáng; đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát

+ Hệ thống điều hoà không khí; hệ thống PCCC; Công trình hệ thống thông tin liên lạc, mạng viễn thông.

+ Tư vấn đấu thầu, thẩm định dự án.

+ Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật – dự toán các công trình.

+ Thi công các công trình điện đến cấp điện áp 35kV, điện dân dụng và công nghiệp.

#### **2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty**

Thị trường đầu vào: Công ty mua máy móc thiết bị và các nguyên vật liệu ...chủ yếu từ các nhà cung cấp trong nước.

Thị trường đầu ra: Thị trường chủ yếu là trong tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận khác.

*Các khách hàng tiêu biểu:*

- Ban An toàn giao thông tỉnh Bình Định

- Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định

- Ban QLDA ĐT & XD thành phố Quy Nhơn

- Ban QLDA NN &PTNT Bình Định
- Ban QLDA ĐT & XD Thị xã An Nhơn

### 2.1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty

Để hiểu rõ cơ cấu vốn của Công ty ta xem bảng sau:

**Bảng 2.3. Cơ cấu về nguồn vốn kinh doanh của Công ty năm 2021**

(ĐVT: Đồng)

Tài sản	Số tiền	Tỷ trọng	Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	1.987.589.224	34,37%	Nợ phải trả	1.185.559.220	20,5%
Tài sản dài hạn	3.794.965.666	65,63%	Vốn chủ sở hữu	4.596.995.670	79,5%
Tổng	5.782.554.890	100%	Tổng	5.782.554.890	100%

(Nguồn: Phòng kế toán)

### 2.1.3.4. Đặc điểm về các nguồn lực chủ yếu của Công ty

#### ❖ Đặc điểm TSCĐ

Bởi vì Công ty là chuyên tư vấn giám sát công trình, tư vấn đấu thầu với Công ty có quy mô vừa và nhỏ nên tài sản cố định của Công ty khá tương đối để có thể phù hợp với chức năng và quy mô làm việc của Công ty.

**Bảng 2.4: Tình hình TSCĐ của công ty tại 31/12/2021**

(ĐVT: Đồng)

Loại TSCĐ	Nguyên giá	KH lũy kế	Giá trị còn lại
-Nhà cửa, vật kiến trúc	3.654.222.284	1.777.579.999	1.876.642.285
-Máy móc, thiết bị	785.345.212	262.370.552	522.974.660
-Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	677.652.225	104.396.967	573.255.258
-Thiết bị, dụng cụ quản lý	585.356.795	159.673.573	425.683.222
Tổng cộng	5.702.576.516	2.304.021.091	3.398.555.425

(Nguồn: Phòng kế toán)

**Nhận xét:** Quy mô TSCĐ của công ty tương đối nhỏ, phù hợp với quy mô kinh doanh của Công ty. Tính đến ngày 31/12/2021, tổng giá trị TSCĐ của Công ty là

3.398.555.425 đồng, qua nhiều năm giá trị TSCĐ đã bị khấu hao là 2.304.021.091 đồng.

❖ Đặc điểm về lao động

**Bảng 2.5: Tình hình lao động của công ty**

STT	Chỉ tiêu phân loại	Số lao động (người)	Tỷ trọng (%)
1	Phân loại trình độ lao động Trình độ đại học	19	100%
2	Phân loại lao động • BP Kế toán – Văn phòng • BP Kỹ thuật	5 14	26,32% 73,68%
3	Phân loại giới tính • Lao động nam • Lao động nữ	16 3	84,21% 15,79%

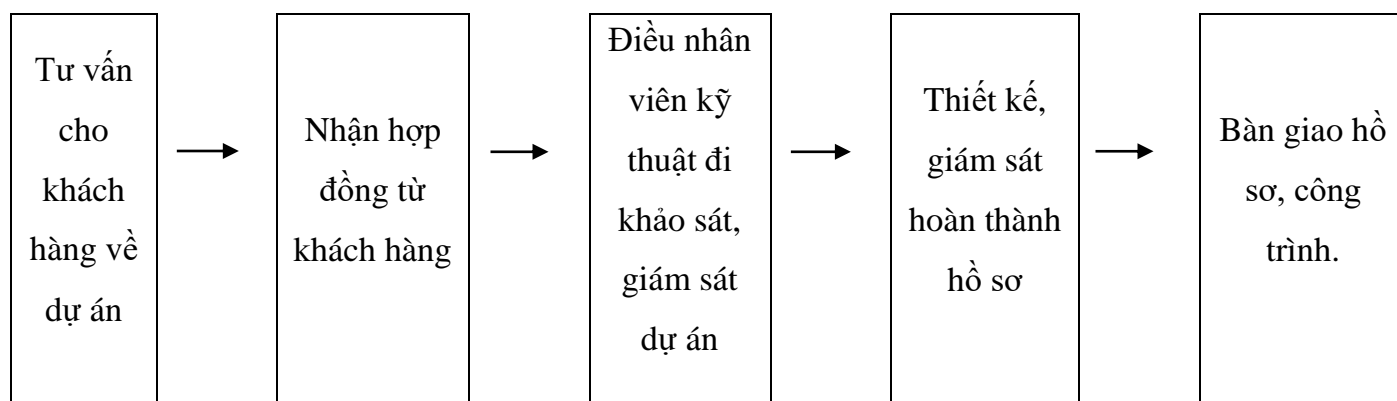
(Nguồn: Phòng kế toán)

**Nhận xét:**

Tổng số công nhân là 19 người, trong đó nam là 16 người chiếm tỷ trọng 84,21%; nữ 3 người chiếm 15,79%. Về chuyên môn, trình độ đại học chiếm 100% để đáp ứng nhu cầu công việc. Số nhân viên bộ phận kỹ thuật là 14 người, chiếm tỷ trọng 73,68%; bộ phận Kế toán - văn phòng là 5 người chiếm 26,32%.

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty**

**2.1.4.1. Giới thiệu quy trình**



**Sơ đồ 2.1: Biểu diễn quy trình tư vấn dự án**

(Nguồn: Phòng kế toán)

Chức năng từng công đoạn:

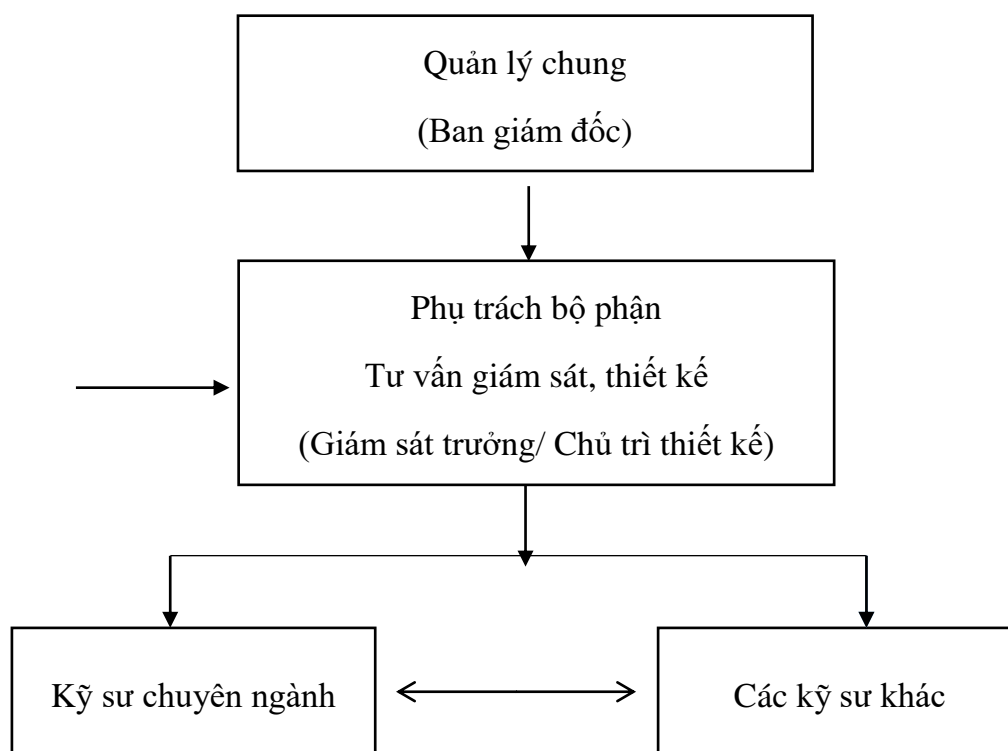
- **Tư vấn cho khách hàng:** Tư vấn giới thiệu về công trình mà khách hàng muốn tìm hiểu để dễ dàng hơn trong việc trao đổi lẫn nhau

- **Nhận hợp đồng từ khách hàng:** Tư vấn về hợp đồng, thỏa thuận và đi đến kí kết hợp đồng.

**Nhân viên kỹ thuật đi thi khảo sát dự án:** Cho nhân viên đi thi công và kiểm tra kỹ thuật để đảm bảo chất lượng và độ chính xác của công trình. **Bộ phận hỗ trợ (Văn phòng)** kiểm tra hồ sơ: Khi hoàn thiện thì tổ quản lý sẽ kiểm tra toàn bộ hồ sơ để đảm bảo có đúng với tiến độ và để bàn giao.

- **Bàn giao:** Khi đã hoàn thành Công ty bàn giao cho khách hàng (nhận ý kiến đóng góp từ khách hàng).

#### 2.1.4.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

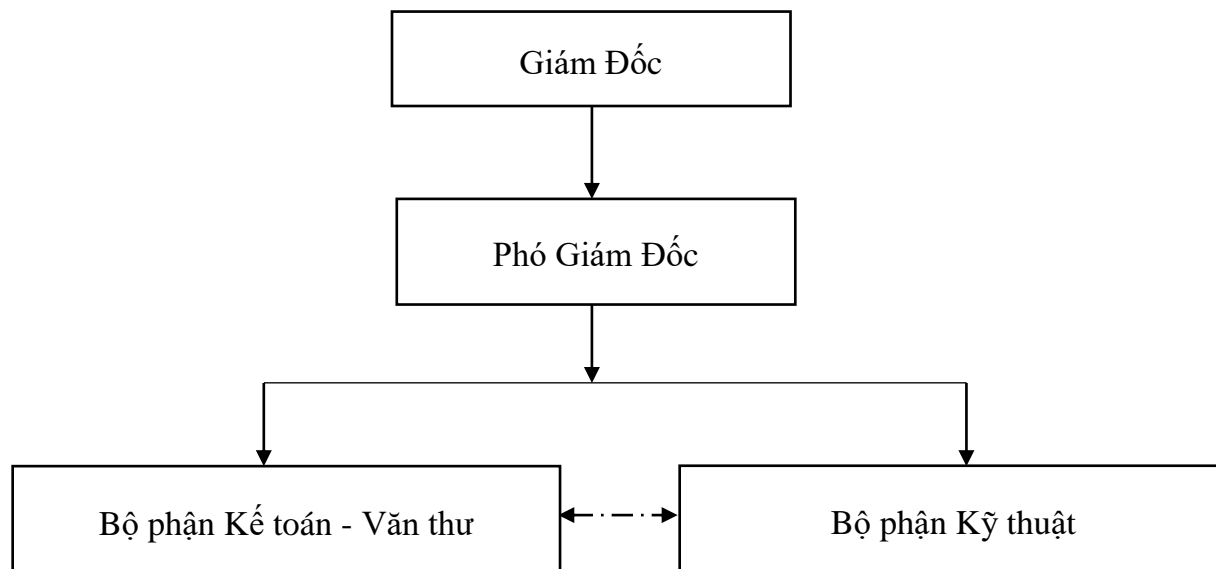


**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh**

(Nguồn: Phòng kế toán)

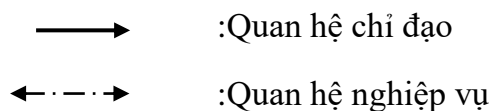
### 2.1.5. Đặc điểm và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

#### 2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



**Sơ đồ 2.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

(Nguồn: Phòng kế toán)



#### 2.1.5.2. Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban

**Giám Đốc:** Đứng đầu một Công ty là giám đốc, giám đốc sẽ quyết định cao nhất mọi kế hoạch, phương án kinh doanh, đầu tư, trích lập các quỹ... nhằm đưa ra một nghị quyết hàng năm để nhân viên công ty thực hiện. Là đại diện pháp nhân của Công ty, tổ chức điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty đến kết quả cuối cùng.

**Phó Giám đốc:** Là thành viên của Ban Giám đốc và chịu trách nhiệm giúp việc Giám đốc theo các nhiệm vụ được Giám đốc phân công hoặc ủy quyền như quy định tại Quy chế của Công ty.

**Thiết kế giám sát:** Đảm bảo các hạng mục thi công phải đúng kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, đảm bảo thi công đúng tiến độ đề ra ban đầu theo từng giai đoạn, hạng mục và công trình.

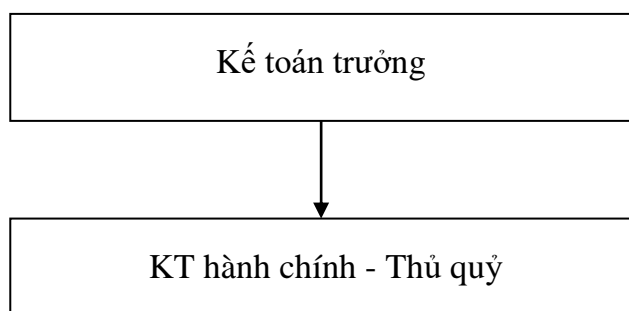
**Bộ phận kế toán - văn phòng:** Phòng có nhiệm vụ là quản lý, theo dõi tình hình sử dụng vốn và tài sản của Công ty. Xây dựng và thực hiện hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán và điều hành nghiệp vụ kế toán của Công ty theo các

qui định hiện hành của pháp luật. Quy trình nghiệp vụ kế toán phải phù hợp với chế độ kế toán mà công ty đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Tổng hợp các số liệu, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn, các thủ tục thanh toán, thu hồi công nợ đảm bảo quyền chủ động trong kinh doanh. Đề nghị các biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính. Tổ chức, quản lý và giám sát các hoạt động kế toán, chịu trách nhiệm trực tiếp về tính thống nhất, chính xác của các nghiệp vụ kế toán. Chịu trách nhiệm cùng với Giám đốc lập các báo cáo tài chính như sau: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm, bảng cân đối kế toán, bảng cân đối số phát sinh, bảng lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính, bảng tăng giảm tài sản... của Công ty chậm nhất trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính.

### **2.1.6. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty**

#### **2.1.6.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty**

Phòng kế toán là một bộ phận quan trọng của Công ty đảm bảo việc ghi chép phản ánh toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo việc hạch toán kế toán chính xác, trung thực, hợp lý, chấp hành đúng chế độ quy định của Nhà nước. Ngoài ra, các sổ sách và tài liệu quan trọng của công ty được tập trung và lưu trữ tại Phòng kế toán. Do Công ty hoạt động với quy mô còn nhỏ nên phòng kế toán chỉ bố trí một nhân viên kế toán và một kế toán hành chính kiêm thủ quỹ đảm nhận việc ghi chép, theo dõi toàn bộ công việc của các phần hành kế toán.



**Sơ đồ 2.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty**

(Nguồn: Phòng kế toán)

#### **Ghi chú:**

→ : Quan hệ chỉ đạo

❖ Chức năng nhiệm vụ của bộ phận kế toán

- Nhiệm vụ của nhân viên kế toán

- + Tổ chức hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán phù hợp với tình hình công ty và đúng theo quy định của Nhà nước.
- + Tổ chức thực hiện, hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ kế toán đáp ứng yêu cầu
- + Tập hợp chi phí và tính giá thành công trình hoàn thành.
- + Theo dõi, ghi chép công nợ của khách hàng, lập phiếu thu, chi. Đồng thời trực tiếp giao tiếp với ngân hàng.
- + Kiểm tra, tập hợp số liệu kế toán chi tiết để lên số liệu tổng hợp, ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế.
- + Xây dựng, tổ chức, quản lý và kiểm soát toàn bộ hoạt động của Phòng kế toán.
- + Chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, cung cấp, giải thích số liệu thanh tra, quyết toán thuế khi có yêu cầu. Làm việc với các cơ quan liên quan của Nhà nước như thuế, quản lý thị trường.
- + Định kỳ báo cáo cho Ban Giám Đốc về tình hình tài chính, tham mưu cho Ban giám đốc về tình hình kinh doanh của công ty.

- Nhiệm vụ của Kế toán hành chính - thủ quỹ

- + Thực hiện việc thu chi tiền mặt tại quỹ. Cuối ngày chốt số liệu tiền mặt tồn quỹ với kế toán thanh toán.
- + Liên hệ, thực hiện giao dịch với ngân hàng: rút tiền, chuyển tiền, đi lấy sổ phụ, đi lấy chứng từ... có liên quan.
- + Cuối tháng, phối hợp cùng kế toán thanh toán làm kế hoạch dòng tiền.
- + Quản lý, theo dõi nhập khẩu tồn công cụ dụng cụ, tài sản nội bộ tại công ty.
- + Soạn thảo, lưu trữ và quản lý các công văn đi và đến, các quyết định, các hợp đồng kinh tế và hợp đồng lao động... liên quan đến kế toán.
- + Liên hệ cơ quan bảo hiểm, tính toán quản lý và theo dõi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
- + Tính toán, theo dõi, quản lý ngày công, ngày phép năm cùng các chế độ cho nhân viên công ty.
- + Kiểm tra tính đầy đủ, hợp tác các hóa đơn chứng từ đầu vào, đầu ra đảm bảo phù hợp theo qui định của Nhà nước.
- + Theo sự chỉ định, phân công công việc của Kế toán trưởng.

### 2.1.6.2. Những vấn đề chung ảnh hưởng đến công tác kế toán của Công ty

Những chứng từ Công ty sử dụng trước khi tiến hành bất kỳ công trình hay hạng mục công trình nào:

- Hồ sơ thiết kế công trình
- Bảng dự toán chi phí xây lắp: thể hiện chi phí dự toán của các hạng mục vật tư, nhân công, máy móc về khối lượng, đơn giá, thành tiền.
- Hợp đồng thi công: thỏa thuận của công ty và chủ đầu tư về các điều khoản để thi công công trình. Nội dung hợp đồng bao gồm các thông tin sau:

- + Ngày, tháng, năm ký kết hợp đồng
- + Các thông tin về hai bên tham gia ký hợp đồng
- + Nội dung thi công
- + Địa điểm thi công
- + Thời gian thi công và hoàn thành
- + Giá trị hợp đồng
- + Phương thức và điều kiện thanh toán
- + Trách nhiệm của hai bên
- + Điều kiện bảo hành công trình
- + Các điều khoản khác
- + Hai bên ký tên, đóng dấu

Hợp đồng thi công được lập khi chủ đầu tư đồng ý với Bảng dự toán chi phí

- Biên bản nghiệm thu: khi công trình hoàn thành công ty lập Biên bản nghiệm thu, hai bên cử đại diện nghiệm thu công trình. Nếu công trình đạt tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật, đúng như hợp đồng thì hai bên ký xác nhận vào biên bản.

Trên cơ sở đó công ty tiến hành bàn giao công trình và hai bên thanh lý hợp đồng kinh tế.

- Hồ sơ thanh toán: khi công trình hoàn thành hay hoàn thành theo tiến độ kế hoạch kế toán lập. Hồ sơ thanh toán nêu rõ khối lượng công việc hoàn thành và số tiền chủ đầu tư phải thanh toán tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
- Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế: khi công trình hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao cho chủ đầu tư hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng kinh tế. Nội dung Biên bản thanh lý gồm:

- + Ngày, tháng, năm hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng
- + Thông tin của hai bên
- + Số, ngày, nội dung của hợp đồng được thanh lý



- + Giá trị hợp đồng, số tiền đã tạm ứng, số tiền còn phải thanh toán
- + Hai bên ký tên, đóng dấu

### 2.1.6.3. Hình thức ghi sổ đang áp dụng của Công ty

Hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng là hình thức “Chứng từ ghi sổ” theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

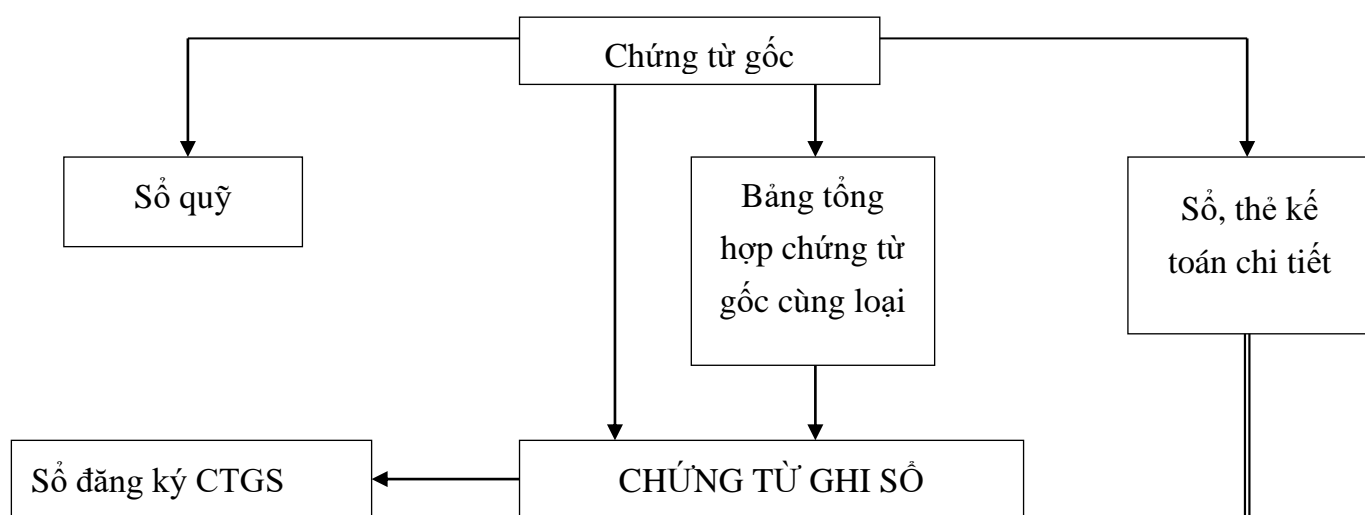
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được Kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính

Dưới đây là hai hình thức của quy trình ghi sổ tại Công ty, bao gồm quy trình ghi sổ bằng tay và quy trình ghi sổ trên máy được Công ty áp dụng và sử dụng chúng trong quá trình làm việc của Công ty.



### Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

(Nguồn: Phòng kế toán)

<b>Ghi chú:</b> Ghi hằng ngày	————→
Ghi cuối tháng	====→
Đối chiếu, kiểm tra	←----→

#### Trình tự ghi sổ kế toán:

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

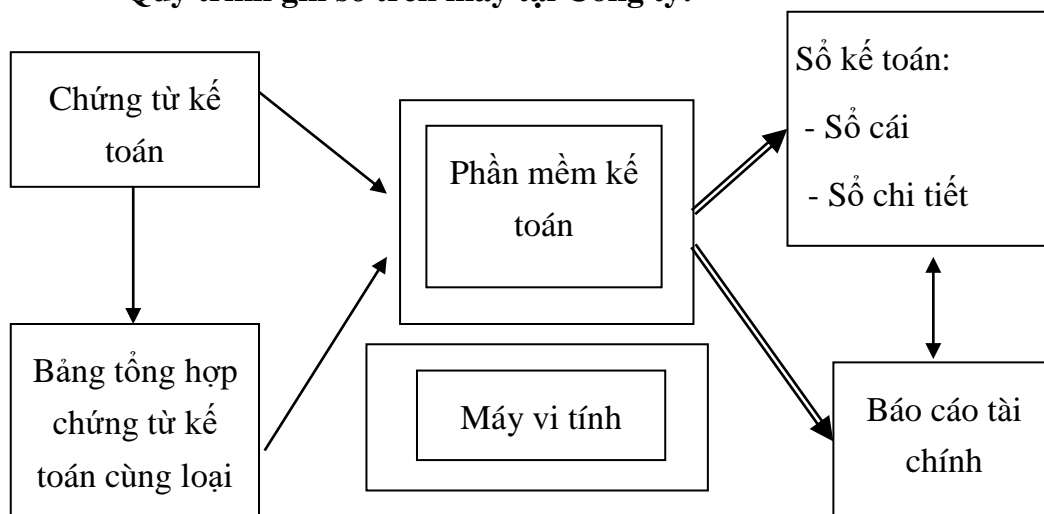
Cuối tháng, kế toán khóa sổ để tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và tổng số dư từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái để lập bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ Cái vào bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng dư Nợ và tổng dư Có của

các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản trên Bảng tổng hợp chi tiết.

• **Quy trình ghi sổ trên máy tại Công ty:**



**Sơ đồ 2.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**

(Nguồn: Phòng kế toán)

**Chú thích:**

→ : Nhập số liệu hàng ngày

⇒ : In sổ, báo cáo cuối tháng, năm

↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

**2.1.6.4. Các chính sách kế toán áp dụng của Công ty**

Công ty được quyền hoạt động và kinh doanh theo giấy chứng nhận.

Quan hệ bình đẳng với các thành phần kinh tế khác.

Tuyển dụng, sử dụng lao động và sa thải lao động theo đúng thỏa ước lao động tập thể và luật lao động quy định.

Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Việt Long đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.
- Kỳ kế toán của công ty: thực hiện theo tháng.
- Nguyên tắc đánh giá: theo giá thực tế.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi chép kế toán là: VNĐ
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty đang sử dụng phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho vật tư: Theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.
- Hình thức sổ kế toán: Hình thức chứng từ ghi sổ.

#### *2.1.6.5. Tình hình vận dụng chế độ chứng từ kế toán*

Chứng từ sử dụng trong Công ty hiện nay hầu hết do Bộ Tài chính phát hành.

- Chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, biên bản kiểm kê quỹ, giấy báo nợ, giấy báo có....
- Chứng từ bán hàng: phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, ...
- Chứng từ lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương, bảng trích BHXH, BHYT ....
- Chứng từ TSCĐ: Sổ TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Sổ tổng hợp: Chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản
- Chứng từ vay vốn: Hợp đồng vay vốn, khế ước vay...

## **2.2. Thực trạng về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Việt Long**

### **2.2.1. Đặc điểm tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty**

#### *2.2.1.1. Phương pháp tiêu thụ thành phẩm của Công ty*

Vì đặc điểm của Công ty là loại hình tư vấn dịch vụ, sản phẩm chính là các bản vẽ thiết kế, dự toán dự án của các công trình đấu thầu, nên Công ty áp dụng phương pháp tiêu thụ thành phẩm trực tiếp để phù hợp với đặc điểm lại hình kinh doanh của

mình cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty. Phương thức này thu hút nhiều khách hàng, giúp tăng doanh thu.

#### *2.2.1.2. Phương pháp xác định giá xuất kho của Công ty*

Công ty không áp dụng phương pháp tính giá xuất kho, do đặc điểm loại hình của Công ty là tiêu thụ trực tiếp nên giá xuất kho tiêu thụ sản phẩm chính bằng giá thành dịch vụ được tạo ra.

### **2.2.2. Kế toán tổng hợp bán hàng và xác định kết quả kinh doanh**

#### *2.2.2.1. Kế toán doanh thu*

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp nhận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Chứng từ: Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng hoá đơn GTGT, các chứng từ thanh toán (phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...), và các chứng từ khác có liên quan.

+ Sổ sách: Sổ Chi tiết TK 511, Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái TK 511 và các tài khoản liên quan.

- Tài khoản sử dụng: TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 131, TK 3331

#### **Hạch toán một số nghiệp vụ kế toán doanh thu:**

**Ví dụ 1:** Theo hợp đồng số 56/2021/ HĐ-TVXD ký ngày 01/12/2021 về việc thực hiện gói thầu: “Tu vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ. Giữa Ban An Toàn Giao Thông Tỉnh Bình Định và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long. Kế toán theo dõi tiến độ công trình và hạch toán:

Ngày 14/12/2021 căn cứ vào biên bản nghiệm thu, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành. Công ty phát hành Hóa đơn GTGT số VL/21P-200 để lập bộ hồ sơ hoàn chỉnh đề nghị Chủ đầu tư thanh toán. Với giá trị của công trình là 115.728.000 đồng (chưa thuế GTGT, thuế suất 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ TK 131-PM: 127.300.800

Có TK 511: 115.728.000

Có TK 3331: 11.572.800

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: VL/21P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000200			
Ngày 14 tháng 12 năm 2021					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long					
Mã số thuế: 4100594629					
Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định					
Số tài khoản: 580.10000.200880. Tại ngân hàng BIDV – CN Bình Định.					
Họ tên người mua hàng:					
Mã số thuế: 4101592286					
Tên đơn vị: Ban An toàn giao thông tỉnh Bình Định					
Địa chỉ: 22 Ngô Quyền - Phường Trần Hưng Đạo - TP Quy Nhơn - Bình Định					
Số tài khoản: 3713.0.1072484.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

1	Chi phí “Tur vản thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ				115.728.000
Cộng tiền hàng:					115.728.000
Thuế suất GTGT:10 %, Tiền thuế GTGT:					11.572.800
Tổng cộng tiền thanh toán					127.300.800
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn tám trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

**Ví dụ 2.** Theo hợp đồng tư vản xây dựng số 59/2021/ HĐ-TVXD ký ngày 17/12/2021 về việc thực hiện gói thầu: Tư vản lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng do Ban Quản lý dự án NN và PTNT làm chủ đầu tư.

Ngày 25/12/2021 căn cứ vào Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và hóa đơn GTGT VL/21P-215 đã được xuất Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và PTNT trả tiền lập điều chỉnh dự án, kế toán ghi:

Định khoản:

Nợ 131-AQ: 177.584.000

Có 511: 161.440.000

Có 3331: 16.144.000

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: VL/21P			
Liên 3: Nội bộ		Số:0000215			
Ngày 25 tháng 12 năm 2021					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long					
Mã số thuế: 4100594629					
Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định.					
Số tài khoản: 58010000200880. Tại ngân hàng BIDV – CN Bình Định.					
Họ tên người mua hàng:					
Mã số thuế: 4101473835					
Tên đơn vị: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.					
Địa chỉ: 200 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - TP Quy Nhơn - Bình Định.					
Số tài khoản: 9527.2.2048534 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền



1	Chi phí tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng.				161.440.000
Cộng tiền hàng:					161.440.000
Thuế suất GTGT:10 %. Tiền thuế GTGT:					16.144.000
Tổng cộng tiền thanh toán					177.584.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Ở nghiệp vụ này không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên không làm ảnh hưởng đến doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.

(Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu):

Nợ TK 511: 277.168.000

Có TK 911: 277.168.000

**Các chứng từ liên quan:**

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTĐTM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số phiếu 03

ĐVT: Đồng

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	277.168.000
Cộng			277.168.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S25-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tháng 12 năm 2021

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số đầu kỳ</b>			
14/12	0000200	14/12	"Tur vản thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đèn tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ	131-PM		115.728.000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	0000215	25/12	Tur vản lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng.	131-AQ		161.440.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKC03	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	277.168.000	
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>277.168.000</b>	<b>277.168.000</b>
			<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**  
 ( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 ( ký, họ tên)

### 2.2.2.2. *Kế toán giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng bán của Công ty chính là giá thành công trình (đã hoàn thành trọn gói hoặc hoàn thành theo khối lượng quy định) mà công ty cung cấp dịch vụ khảo sát, tư vấn thiết kế. Khi công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư, kế toán bàn giao công trình ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán phải ghi nhận giá vốn của công trình:

#### ***Chứng từ sử dụng***

- Sổ chi tiết TK 154 của công trình.
- Phiếu kế toán, và các chứng từ liên quan khác.
- Bảng kê khối lượng thanh toán bàn giao doanh thu.

#### ***Tài khoản sử dụng***

Kế toán sử dụng Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán để phản ánh giá thành công trình mà công ty cung cấp.

Sổ sách: Sổ Chi tiết TK 632, Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái TK 632.

Ví dụ minh họa:

**Từ ví dụ 1:** Kế toán ghi nhận doanh thu gói thầu: “Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ”.

Đồng thời, kế toán ghi nhận giá vốn công trình, sổ chi tiết 632. Sau đó kế toán ghi lên Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái TK 632.

Nợ TK 632: 55.646.915

Có TK 154-PM: 55.646.915

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 14 tháng 12 năm 2021

Số phiếu 212

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá thành gói thầu: “Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ”	632	154-PM	55.646.915
Cộng			55.646.915

Ngày 14 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**Từ ví dụ 2:** Kế toán ghi nhận doanh thu gói thầu: Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng. Đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn công trình, số chi tiết TK 632. Sau đó kế toán ghi chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 632

Nợ TK 632: 95.254.313

Có TK 154-AQ: 95.254.313

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTTM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 25 tháng 12 năm 2021

Số phiếu 224

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá thành gói thầu: Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	632	154-AQ	95.254.313
Cộng			95.254.313

Ngày 25 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTTM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số phiếu 06

ĐVT: Đồng

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	150.901.228
Cộng			150.901.228

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTTM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

*Mẫu số S25-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tháng 12 năm 2021

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số đầu kỳ</b>			
14/12	PKT 212	14/12	Giá thành công trình “Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ	154-PM	55.646.915	
...	...	...	...	...	...	...
25/12	PKT 224	25/12	Giá thành tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng.	154-AQ	95.254.313	
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		150.901.228
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>150.901.228</b>	<b>150.901.228</b>
			<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



( ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

### 2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Kế toán chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

\* Chứng từ sử dụng: Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn thông thường, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, báo Có, bảng kê thanh toán tạm ứng, Bảng tính và bảng phân bổ và các chứng từ khác có liên quan.

#### \* Tài khoản sử dụng

Hiện tại, Công ty đang hạch toán chi phí quản lý kinh doanh dựa trên tài khoản 642, được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2 là TK 6421 (chi phí bán hàng) và TK 6422 (chi phí quản lý doanh nghiệp). Bao gồm các loại chi phí sau: Chi phí vận chuyển, chi phí dịch vụ mua ngoài (xăng, dầu, điện, nước, tiền điện thoại...), chi phí lương nhân viên,...

#### \* Quy trình luân chuyển chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc (Phiếu chi, bảng phân bổ chi phí tiền lương) kế toán tiến hành xử lý số liệu vào Chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK 642. Cuối tháng kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

#### \* Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 642

#### \* ***Minh họa một số nghiệp vụ phát sinh trong kỳ***

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2021 thanh toán tiền dịch vụ viễn thông với số tiền 915.300 đồng (chưa VAT 10%) và đã thanh toán bằng tiền mặt.

-Với HĐ GTGT 0751631 kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6422: 915.300

Nợ TK 133: 91.530

Có TK 111: 1.006.830

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2021 tổng hợp tiền lương thanh toán cho toàn bộ phận văn phòng là 44.900.000 đồng (dựa vào bảng thanh toán tiền lương tháng 12/2021).

Nợ TK 6422: 44.900.000

Có TK 334: 44.900.000

- Cuối năm kế toán kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: 52.239.300

Có TK 6422: 52.239.300

- Chứng từ minh họa:

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu (Serial No): BB/21E Số (No): 0751631			
Viễn thông Bình Định Mã số thuế: 0200287977 Địa chỉ: 33 Nguyễn Trãi, TP. Qui Nhơn, T. Bình Định. Tên KH: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long Địa chỉ: Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4*5
1	CUOC DỊCH VỤ VIENTHONG TRA CUOC THANG 12/2021				915.300
Cộng tiền dịch vụ (1)					915.300
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT (2)					91.530
Tổng cộng tiền thanh toán (1+2)					1.006.830
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng.					
Người nộp tiền ký (Ký, họ tên)			Ngày 15 tháng 12 năm 2021 Nhân viên giao dịch (Ký, họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kê toán sẽ tiến hành lập phiếu chi để chi tiền phục vụ cho việc hoạt động của doanh nghiệp

CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG      Mẫu số: 02-TT  
Lô 3, OLP2, Khu ĐTTM An Phú,      (Ban hành kèm theo TT số 133/2016/TT-BTC  
P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn      ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2021

Quyển số: 03

Họ và tên người nhận tiền: Võ Diệu Linh

Số: 0083

Lý do chi: Chi nộp tiền cược viễn thông

Nợ: 6422, 1331

Số tiền: 1.006.830 VNĐ

Có: 111

Viết bằng chữ: Một triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc    Kế toán trưởng    Thủ quỹ    Người lập phiếu    Người nhận tiền**

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

Đã nhận đủ số tiền: Một triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG

Mẫu số S25-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG 12/2021**

Loại tiền: VNĐ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương CB	Ngày công	Phụ cấp	Tiền lương tháng	Trích vào Lương nhân viên				Thực lĩnh	Ký nhận
							BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng 10,5%		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>A</b>	<b>Bộ phận văn phòng</b>		<b>29.000.000</b>	<b>129</b>	<b>15.900.000</b>	<b>44.900.000</b>	<b>2.320.000</b>	<b>435.000</b>	<b>290.000</b>	<b>3.045.000</b>	<b>41.855.000</b>	
01	Nguyễn Xuân Trung	GĐ	8.000.000	26	3.480.000	<b>11.480.000</b>	640.000	120.000	80.000	<b>840.000</b>	10.640.000	
02	Trần Đức Thắng	P.GĐ	8.000.000	26	3.480.000	<b>11.480.000</b>	640.000	120.000	80.000	<b>840.000</b>	10.640.000	
03	Nguyễn Thị Hồng Dung	KTT	5.000.000	25	2.980.000	<b>7.980.000</b>	400.000	75.000	50.000	<b>525.000</b>	7.455.000	
04	Võ Thị Thoa	KTV	4.000.000	26	2.980.000	<b>6.980.000</b>	320.000	60.000	40.000	<b>420.000</b>	6.560.000	
05	Phạm Thị Thanh Huyền	KTV	4.000.000	26	2.980.000	<b>6.980.000</b>	320.000	60.000	40.000	<b>420.000</b>	6.560.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số 11-LĐTL (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI 12/2021**

Loại tiền: VNĐ

Ghi Có Tài khoản  Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338- Phải trả, phải nộp khác					Tổng cộng
	Lương	Các khoản phải nộp	Cộng Có TK 334	KPCĐ (2%)	BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (0%)	Cộng Có TK 338	
B	1	2	3	1	2	3	4	5	
TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.052.332	41.720.000	168.772.332	2.541.047	21.598.896	3.811.570	0	27.951.513	196.723.845
TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.000.000	15.900.000	44.900.000	580.000	4.930.000	870.000	0	6.380.000	51.280.000
TK 334 - Phải trả NLĐ					12.484.187	2.340.785	1.560.523	16.385.495	16.385.495
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.052.332</b>	<b>57.620.000</b>	<b>213.672.332</b>	<b>3.121.047</b>	<b>39.013.083</b>	<b>7.022.355</b>	<b>1.560.523</b>	<b>50.717.008</b>	<b>264.389.340</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**  
( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTĐTM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số phiếu 04

ĐVT: Đồng

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	52.239.300
Cộng			52.239.300

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**

Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

*Mẫu số S25-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC**ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Tháng 12 năm 2021

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Lũy kế từ đầu năm</b>			
			<b>Số đầu kỳ</b>			
15/12	07/12	15/12	Chi thanh toán tiền phục vụ quản lý	1111	915.300	
19/12	27/12	19/12	Lệ phí chuyển tiền	1111	44.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBTLT12	31/12	Tiền lương phải trả cho nhân viên văn phòng	334	44.900.000	
31/12	BPBHT12	31/12	Trích theo lương	338	6.380.000	
31/12	PKC04	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		52.239.300
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>52.239.300</b>	<b>52.239.300</b>
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			
			<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ***(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên)*



#### 2.2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

##### ❖ **Kế toán doanh thu tài chính:**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng: Bảng tính lãi, giấy báo Có của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng, phiếu kế toán và các chứng từ liên quan khác...

Tài khoản sử dụng: TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

- Quy trình luân chuyển:

+ Phòng Kế toán: Căn cứ giấy báo Có của ngân hàng về số tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

+ Phòng Kế toán: hạch toán vào doanh thu tài chính và hạch toán tăng tiền gửi ngân hàng, sau đó kế toán lên Chứng từ ghi sổ, Sổ Chi tiết tài khoản 515. Cuối kỳ kết chuyển qua tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Ví dụ minh họa:** Ngày 31/12/2021, Công ty nhận được Giấy báo Có lãi tiền gửi ngân hàng từ ngày 20/11/2021 đến ngày 31/12/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 656.207 đồng.

– Căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán tiến hành hạch toán như sau:

Nợ TK 112: 656.207

Có TK 515: 656.207

– Cuối năm kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 515: 656.207

Có TK 911: 656.207

**Các chứng từ liên quan:**

 <b>NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM</b>	<b>GIẤY BÁO CÓ</b> Ngày 31/12/2021	Mã GDV: Mã KH: Số GD: 08485
Ngân hàng BIDV Chi nhánh: Bình Định		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG Mã số thuế: 4100594629 Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau: Số tài khoản ghi Có: 58010000200880 Số tiền bằng số: 656.207 Số tiền bằng chữ: Sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm linh bảy đồng. Nội dung: Lãi nhập vốn		
<b>GIAO DỊCH VIÊN</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long			
Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn			
<b>PHIẾU KẾT CHUYỂN</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Số phiếu 05			
ĐVT: Đồng			
Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	656.492
Cộng			656.492
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Người lập biểu			
(Ký, họ tên)			

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S25-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tháng 12 năm 2021

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Lũy kế từ đầu năm</b>			
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
25/12	GBC122	25/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		285
31/12	GBC 124	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		656.207
31/12	PKC05	31/12	Kết chuyển Doanh thu tài chính	911	656.492	
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>656.492</b>	<b>656.492</b>
			<b>Lũy kế phát sinh từ đầu năm</b>			
			<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

### ❖ **Kế toán chi phí tài chính**

Tài khoản này để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh và liên kết, lỗ chuyển nhượng,...

Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ của ngân hàng, phiếu chi, biên bản góp vốn liên doanh, và các chứng từ liên quan khác...

Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”.

Quy trình ghi sổ kế toán: Giấy báo Nợ của ngân hàng, phiếu chi → Sổ Chi tiết TK 635 → Chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 635. Căn cứ giấy báo Nợ của ngân hàng hoặc vào ngày tính lãi hàng tháng. Kế toán tiến hành tính số lãi phát sinh dựa vào giấy báo Nợ để hạch toán vào chi phí tài chính.

**Ví dụ minh họa:** Tháng 12 năm 2021 Công ty không có phát sinh khoản chi phí tài chính nào.

#### 2.2.2.5. *Kế toán thu nhập và chi phí hoạt động khác*

##### ❖ **Kế toán thu nhập khác**

Chứng từ sử dụng: Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản, biên bản đánh giá lại TSCĐ, phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng, biên bản bàn giao (nhận biếu tặng).

Quy trình ghi sổ kế toán: Hóa đơn GTGT → Sổ Chi tiết TK 711 → Chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 711.

Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác.

##### ❖ **Kế toán chi phí khác**

Chứng từ sử dụng: Biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản vi phạm hợp đồng, biên bản đánh giá lại tài sản, quyết định thanh lý TSCĐ, phiếu chi.

Quy trình ghi sổ kế toán: Căn cứ hóa đơn, phiếu chi → Sổ Chi tiết TK 811 → Chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 811.

Ví dụ minh họa: Trong tháng 12/2021, Công ty không phát sinh thêm gì về các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

#### 2.2.2.6. *Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

Chứng từ sử dụng: Chứng từ sử dụng bao gồm phiếu kết chuyển.

Tài khoản sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh, TK 821: Chi phí thuế TNDN, TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Cuối tháng kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

– Kết chuyển doanh thu thuần:

Nợ TK 511: 277.168.000

Có TK 911: 277.168.000

– Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515: 656.492

Có TK 911: 656.492

– Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911: 150.901.228

Có TK 632: 150.901.228

– Kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911: 32.661.299

Có TK 635: 32.661.299

– Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh:

Nợ TK 911: 52.239.300

Có TK 642: 52.239.300

★ Cách xác định lợi nhuận kinh doanh và chi phí thuế TNDN:

Doanh thu thuần từ BH và CCDV = Doanh thu BH và CCDV - Các khoản giảm trừ doanh thu

= 277.168.000 - 0

= 277.168.000 (đồng)

Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

= 277.168.000 - 150.901.228

= 126.266.772 (đồng)

Lợi nhuận thuần từ HĐKD = Lợi nhuận gộp + (Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính) – (Chi phí quản lý kinh doanh)

= 126.266.772 + (656.492 – 0) – 52.239.300

= 74.683.964 (đồng)

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

$$= 0 - 0$$

$$= 0 \text{ (đồng)}$$

Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ HĐKD + Lợi nhuận khác

$$= 74.683.964 + 0$$

$$= 74.683.964 \text{ (đồng)}$$

Chi phí thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế  $\times$  thuế suất

Trong kỳ kinh doanh, doanh nghiệp không có khoản chi phí không hợp lý và các khoản thu nhập bị loại ra khỏi thu nhập chịu thuế. Nên, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ chính bằng khoản thu chịu thuế:

$$= 74.683.964 \times 20\%$$

$$= 14.936.793 \text{ (đồng)}$$

– Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế TNDN

$$= 74.683.964 - 14.936.793$$

$$= 59.747.171 \text{ (đồng)}$$

– Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

$$\text{Nợ TK 821: } 14.936.793$$

$$\text{Có TK 3334: } 14.936.793$$

– Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Nợ TK 911: } 14.936.793$$

$$\text{Có TK 821: } 14.936.793$$

– Kết chuyển lợi nhuận sau thuế:

$$\text{Nợ TK 421: } 59.747.171$$

$$\text{Có TK 911: } 59.747.171$$

\* Kế toán chi phí thuế TNDN:

– Chi phí thuế TNDN của Công ty được tạm nộp theo quý, căn cứ vào tình hình kinh doanh hàng tháng để tạm nộp hàng quý. Nếu căn cứ hàng tháng Công ty căn kết quả kinh doanh để tạm nộp thuế TNDN, tổng số tạm nộp 4 quý chênh lệch so với quyết toán năm nếu không quá 20% thì không phải nộp lãi chậm, còn nếu quá 20% chênh lệch thì nộp lãi chậm nộp cho số quá 20% chênh lệch.

– Chứng từ liên quan là giấy nộp tiền và tờ khai quyết toán thuế TNDN.

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTTM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số phiếu 07

ĐVT: Đồng

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh DN	911	8211	14.936.793
Cộng			14.936.793

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**

Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S25-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)

ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tháng 12 năm 2021

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Lũy kế từ đầu năm</b>		...	
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12	QTTNDN	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	14.936.793	
31/12	PKCT12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		14.936.793
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>14.936.793</b>	<b>14.936.793</b>
			<b>Lũy kế phát sinh từ đầu năm</b>			
			<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)



**\* Kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

– Việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty thường diễn ra vào cuối quý và cuối năm tổng hợp lại kết quả kinh doanh cho cả năm. Sau khi xác định kết quả kinh doanh kế toán viên sẽ tiến hành lập Báo cáo tài chính vào cuối niên độ kế toán.

– Chứng từ liên quan: Phiếu kết chuyển, quyết toán thuế...

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTTM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số phiếu 08

ĐVT: Đồng

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	4212	59.747.171
Cộng			59.747.171

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S25-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Năm 2021

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Lũy kế từ đầu năm</b>			
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
31/12	PKC 03	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		277.168.000
31/12	PKC 05	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		656.492
31/12	PKC 06	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	150.901.228	
31/12	PKC 04	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	642	52.239.300	
31/12	PKC07	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	14.936.793	
31/12	PKC08	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	421	59.747.171	
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>277.824.492</b>	<b>277.824.492</b>
			<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

Dựa vào các hóa đơn, chứng từ bán hàng, kế toán tổng hợp vào Chứng từ ghi sổ và Sổ Cái.

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**CTGS: số 01**

**Loại chứng từ: Phiếu chi**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

Chứng từ		Diễn giải	GHI CÓ TK 111	GHI NỢ TK 642
SH	NT			
07/12	31/12	Chi thanh toán tiền phục vụ quản lý	1.006.830	1.006.830
27/12	31/12	Lệ phí chuyển tiền	44.000	44.000
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>1.050.830</b>	<b>1.050.830</b>

*Kèm theo 02 chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
 ( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 01**

**Loại chứng từ: Phiếu chi**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/01/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 01	642	111	1.050.830	
	<b>Tổng</b>			<b>1.050.830</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*( ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*( ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Giấy báo có**

*Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**CTGS: số 02**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

*(ĐVT : ĐỒNG)*

Chứng từ		Diễn giải	GHI NỢ TK 112	GHI CÓ TK 515
SH	NT			
GBC122	25/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	285	285
GBC 124	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	656.207	656.207
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>656.492</b>	<b>656.492</b>

*Kèm theo 02 chứng từ gốc*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 02**

**Loại chứng từ: Giấy báo có**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 02	112	515	656.492	
	<b>Tổng</b>			<b>656.492</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI**

**Loại chứng từ: Kết chuyển giá thành sản xuất**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 03**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

Chứng từ		Diễn giải	GHI NỢ TK 632	GHI CÓ TK 154
SH	NT			
PKT 212	14/12	Kết chuyển giá vốn gói thầu: “Tur vắn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ.	55.646.915	55.646.915
PKT 224	25/12	Kết chuyển giá vốn gói thầu: Tur vắn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng.	95.254.313	95.254.313
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>150.901.228</b>	<b>150.901.228</b>

*Kèm theo 02 chứng từ gốc*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*  
**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Kết chuyển giá thành sản xuất**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 03**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 03	632	154	150.901.228	
	<b>Tổng</b>			<b>150.901.228</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*



**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 04**

**Loại chứng từ: Phải thu khách hàng**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

Chứng từ		Diễn giải	GHI NỢ TK 131	GHI CÓ TK	
SH	NT			511	3331
0000200	14/12	“Tu vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đèn tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ	127.300.800	115.728.000	11.572.800
...	...	...	...	...	...
0000215	25/12	Chi phí tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng.	177.584.000	161.440.000	16.144.000
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>304.884.800</b>	<b>277.168.000</b>	<b>27.716.800</b>

*Kèm theo 02 chứng từ gốc*

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người lập**  
 ( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 04**

**Loại chứng từ: Phải thu khách hàng**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 04	131	511	115.728.000	
		131	3331	11.572.800	
		...	...	...	
		131	511	161.440.000	
		131	3331	16.144.000	
	<b>Tổng</b>			<b>304.884.800</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Bảng phân bổ tiền lương**

*Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**CTGS: số 05**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

*(ĐVT : ĐỒNG)*

Chứng từ		Diễn giải	GHI CÓ TK 334	GHI NỢ TK	
SH	NT			154	642
BPBTLT12	31/12	Tiền lương phải trả cho nhân viên kỹ thuật	168.772.332	168.772.332	
BPBTLT12	31/12	Tiền lương phải trả cho nhân viên văn phòng	44.900.000		44.900.000
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>213.672.332</b>	<b>168.772.332</b>	<b>44.900.000</b>

*Kèm theo 02 chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 05**

**Loại chứng từ: Bảng phân bổ tiền lương**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 05	154	334	168.772.332	
		642	334	44.900.000	
	<b>Tổng</b>			<b>213.672.332</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
 ( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Bảng phân bổ bảo hiểm**

*Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC*

*ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**CTGS: số 06**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

*(ĐVT : ĐỒNG)*

Chứng từ		Diễn giải	GHI CÓ TK 338	GHI CÓ TK		
SH	NT			154	642	334
BPBBHT12	31/12	Trích theo lương	27.951.513	27.951.513		
BPBBHT12	31/12	Trích theo lương	6.380.000		6.380.000	
BPBBHT12	31/12	Trích theo lương	16.385.495			16.385.495
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>50.717.008</b>	<b>27.951.513</b>	<b>6.380.000</b>	<b>16.385.495</b>

*Kèm theo 03 chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**

*( ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*( ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 06**

**Loại chứng từ: Bảng phân bổ bảo hiểm**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 06	154	338	27.951.513	
		642	338	6.380.000	
		334	338	16.385.495	
	<b>Tổng</b>			<b>50.717.008</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**

*( ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*( ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Quyết toán thuế TNDN**

*Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**CTGS: số 07**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

*(ĐVT : ĐỒNG)*

Chứng từ		Diễn giải	GHI NỢ TK 821	GHI CÓ TK 3334
SH	NT			
QTTNDN	31/12	Thuế TNDN phải nộp	14.936.793	14.936.793
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>14.936.793</b>	<b>14.936.793</b>

*Kèm theo 01 chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**

*( ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*( ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Quyết toán thuế TNDN**

*Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**CTGS: số 07**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

*(ĐVT : ĐỒNG)*

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 07	821	3334	14.936.793	
	<b>Tổng</b>			<b>14.936.793</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*( ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*( ký, họ tên)*



**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Phiếu kết chuyển doanh thu**

*Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**CTGS: số 08**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

*(ĐVT : ĐỒNG)*

Chứng từ		Diễn giải	GHI CÓ TK 911	GHI NỢ TK	
SH	NT			511	515
PKC03	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	277.168.000	277.168.000	
PKC05	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	656.492		656.492
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>277.824.492</b>	<b>277.168.000</b>	<b>656.492</b>

*Kèm theo 02 chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Loại chứng từ: Phiếu kết chuyển doanh thu**

*Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

**CTGS: số 08**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

*(ĐVT : ĐỒNG)*

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 08	511	911	277.168.000	
1		515	911	656.492	
	<b>Tổng</b>			<b>277.824.492</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**CTGS: số 09**

**Loại chứng từ: Phiếu kết chuyển chi phí, giá vốn, lợi nhuận**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

Chứng từ		Diễn giải	GHI NỢ TK 911	GHI CÓ TK			
SH	NT			632	642	821	421
PKC07	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	150.901.228	150.901.228			
PKC04	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	52.239.300		52.239.300		
PKC08	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	14.936.793			14.936.793	
PKC09	31/12	Kết chuyển lợi nhuận	59.747.171				59.747.171
		<b>Cộng phát sinh</b>	<b>277.824.492</b>	<b>150.901.228</b>	<b>52.239.300</b>	<b>14.936.793</b>	<b>59.747.171</b>

*Kèm theo 05 chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**

*( ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*( ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**CTGS: số 09**

**Loại chứng từ: Phiếu kết chuyển chi phí, giá vốn, lợi nhuận**

Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

(ĐVT : ĐỒNG)

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Tổng hợp định khoản từ chứng từ gốc thuộc bảng kê CTGS số 09	911	632	150.901.228	
		911	642	52.239.300	
		911	821	14.936.793	
		911	421	59.747.171	
	<b>Tổng</b>			<b>277.824.492</b>	

*Kèm theo 01 bảng kê chứng từ gốc*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

*Mẫu số S02b-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*  
 Thời gian: 01/01/2021 đến 31/12/2021

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

ĐVT : ĐỒNG

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01	31/12/2021	1.050.830
02	31/12/2021	656.492
03	31/12/2021	150.901.228
04	31/12/2021	304.884.800
05	31/12/2021	213.672.332
06	31/12/2021	50.717.008
07	31/12/2021	14.936.793
08	31/12/2021	277.824.492
09	31/12/2021	277.824.492
<b>Cộng tháng phát sinh</b>		<b>1.292.468.467</b>
<b>Cộng lũy kế</b>		<b>xxx</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Người lập**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02c1-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

(ĐVT: ĐỒNG)

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số đầu kỳ			0
04	31/12	“Tur vản thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đèn tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ	131-PM		115.728.000
...	...	...	...	...	...
04	31/12	Chi phí tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng.	131-AQ		161.440.000
08	31/12	Kết chuyển DT BH và CCDV	911	277.168.000	
		<b>Cộng</b>		<b>277.168.000</b>	<b>277.168.000</b>
		<b>Lũy kế</b>			
		<b>Số dư</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách kế toán**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02c1-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

(ĐVT: ĐỒNG)

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số đầu kỳ</b>		<b>0</b>	
01	31/12	Chi thanh toán tiền phục vụ quản lý	111	915.300	
01	31/12	Lệ phí chuyển tiền	111	44.000	
...	...	...	...	...	...
05	31/12	Tiền lương phải trả cho nhân viên văn phòng	334	44.900.000	
06	31/12	Trích theo lương	338	6.380.000	
09	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		52.239.300
		<b>Cộng</b>		<b>52.239.300</b>	<b>52.239.300</b>
		<b>Lũy kế</b>			
		<b>Số dư</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách kế toán**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02c1-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

(ĐVT: ĐỒNG)

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số đầu kỳ			<b>0</b>
02	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		285
02	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		656.207
08	31/12	Kết chuyển Doanh thu tài chính	911	656.492	
		<b>Cộng</b>		<b>656.492</b>	<b>656.492</b>
		<b>Lũy kế</b>			
		<b>Số dư</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách kế toán**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)



CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG

Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02c1-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

(ĐVT: ĐỒNG)

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số đầu kỳ		<u>0</u>	
03	31/12	“Tu vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán. Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ.	154-PM	55.646.915	
...	...	...	...	...	...
03	31/12	Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư An Quang Tây; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng.	154-AQ	95.254.313	
...	...	...	...	...	...
09	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	..	150.901.228
		<b>Cộng</b>		<b>150.901.228</b>	<b>150.901.228</b>
		<b>Lũy kế</b>			
		<b>Số dư</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02c1-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

(ĐVT: ĐỒNG)

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		<b>Lũy kế từ đầu năm</b>			
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
07	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	14.936.793	
09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		14.936.793
		<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>14.936.793</b>	<b>14.936.793</b>
		<b>Lũy kế phát sinh từ đầu năm</b>			
		<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách kế toán**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**CT TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**  
 Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn

Mẫu số S02c1-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

(ĐVT: ĐỒNG)

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		<b>Lũy kế từ đầu năm</b>			
		<b>Dư đầu kỳ</b>			
08	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		277.168.000
08	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		656.492
09	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	150.901.228	
09	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	642	52.239.300	
09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	14.936.793	
09	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	421	59.747.171	
		<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		<b>277.824.492</b>	<b>277.824.492</b>
		<b>Lũy kế phát sinh từ đầu năm</b>			
		<b>Số dư cuối cùng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách kế toán**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

## **2.3. Đánh giá thực trạng kế toán bán hàng xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Việt Long**

### **2.3.1. Ưu điểm**

#### *2.3.1.1. Chứng từ kế toán và quy trình chứng từ kế toán*

Chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Sử dụng chứng từ thật, đúng theo quy định của pháp luật, mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý theo đúng pháp luật..

Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy tránh sự chồng chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

#### *2.3.1.2. Nhận xét về hình thức “Chứng từ ghi sổ”*

Thuận tiện cho việc cơ giới hóa tính toán. Ghi chép đơn giản dễ kiểm tra, đối chiếu số liệu, thuận tiện cho tình hình kế toán hiện nay. Cho phép quản lý từng khoản mục liên quan tới các phần hành kế toán một cách chặt chẽ có hiệu quả.

Sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, việc lọc hay in các sổ tổng hợp, các sổ chi tiết rất rẽ ràng, phục vụ tốt cho quản lý. Đây là hình thức sổ được sử dụng phổ biến nhất ở nước ta hiện nay, vì nó đơn giản, dễ hiểu, việc có các phần mềm kế toán hỗ trợ thì sử dụng hình thức sổ này càng phù hợp. Thông tin tài chính được phản ánh kịp thời, rõ ràng và đầy đủ tạo điều kiện cho lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý, từ đó có thể đưa ra các biện pháp phù hợp.

#### *2.3.1.3. Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh*

Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban với đội ngũ cán bộ là người có kinh nghiệm, chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong công việc, hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng.

#### *2.3.1.4. Về việc hạch toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty*

Phương pháp hạch toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quy định của Bộ trưởng bộ tài chính, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của Công ty.

Công ty thực hiện xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng, quý thuận lợi cho công tác kiểm tra số liệu kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin tổng quát cho nhà quản trị một cách kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình, từ đó có những kế hoạch, điều chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

### **2.3.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty còn những hạn chế như sau:

#### **2.3.2.1. Về công tác ghi chép sổ sách kế toán**

Hiện tại công tác kế toán tại đơn vị được tiến hành làm việc trên Excel quy trình này vẫn là thủ công nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm. File excel lưu rời rạc nhau dễ bị thất lạc, khó kiểm soát dữ liệu gây khó khăn đáng kể trong công tác lưu trữ và bảo quản theo thời gian quy định, tính bảo mật thấp, dễ nhầm lẫn và thiếu sót, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức.

Trong thời kỳ công nghệ thông tin hiện nay ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

#### **2.3.2.2. Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những chính sách về chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn.

Điều này làm chậm năng thu hồi vốn, giảm vòng quay vốn kinh doanh, doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn, hạn chế dòng tiền để đầu tư cho hoạt động khác, về lâu dài thì sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh.

#### **2.3.2.3. Về trích lập các khoản dự phòng**

Theo điều khoản trong hợp đồng kinh tế ghi rõ bên A (Chủ đầu tư) sẽ thanh toán khoản nợ trong thời hạn ghi trên hợp đồng.

Nhưng thực tế thì có rất nhiều khách hàng vẫn thanh toán chậm các khoản nợ trên còn việc thu phạt thì không được diễn ra vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến chu kỳ quay vòng vốn. Công ty không tiến hành lập bất cứ dự phòng nào liên quan đến các khoản nợ phải thu khó đòi và kế toán không sử dụng tài khoản dự phòng đã làm giảm tính chính xác của việc xác định kết quả

kinh doanh, không đảm bảo được ý nghĩa và lợi ích kinh doanh của Công ty và từ đó dẫn đến số liệu trên Báo cáo tài chính là không phản ánh đầy đủ kết quả kinh doanh.

Một số khách hàng với số lượng và số tiền lớn mà thanh toán chậm, quá niên độ kế toán, nên những khoản nợ này Công ty cần xem xét, tính toán hợp lý vào chi phí quản lý kinh doanh. Để hạn chế rủi ro Công ty cần lưu ý về việc lập dự phòng phải thu khó đòi.

## **CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG**

### **3.1. Một số định hướng phát triển của Công ty**

Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long được thành lập từ năm 2006, trải qua quá trình hoạt động được hơn 16 năm Công ty đã tạo được tên tuổi và uy tín đối với khách hàng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát trong lĩnh vực điện..., đã tự tạo ra vị thế kinh doanh vững chắc và uy tín cao trên thị trường; qua thời gian hoạt động lâu dài Công ty đã có những khách hàng, đối tác quen thuộc, hơn nữa Công ty luôn giữ vững uy tín trên thị trường.

Trong thời kì kinh doanh khó khăn hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp phá sản, bất động sản đóng băng, ngân hàng siết chặt tiền tệ ảnh hưởng rất lớn đến. Nhưng với sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên và đặc biệt là sự lãnh đạo tài tình của Giám đốc doanh nghiệp đưa Công ty làm ăn có lãi trong năm 2021 vừa qua.

#### **❖ Mục tiêu của Công ty:**

Để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng, nâng cao sức mạnh cạnh tranh và uy tín trên thị trường, Công ty phấn đấu thực hiện những mục tiêu chủ yếu sau:

#### **Mục tiêu ngắn hạn:**

- Những dự án đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ hoàn thành trong năm để trình bày với cơ quan thẩm quyền phê duyệt dự án. Đối với những dự án đã qua được thẩm duyệt thì cố gắng tiến hành tổ chức thi công giám sát và hoàn thành chúng.

#### **Mục tiêu dài hạn:**

- Công ty xác định phải phát huy tối đa mọi nguồn lực của Công ty, trước hết là phát huy tổng hợp trí tuệ, sáng tạo của tập thể thành viên để xác định hướng đi, chọn bước đi thích hợp, mạnh dạn đi vào những lĩnh vực mới có hiệu quả kinh tế cao.

- Phấn đấu đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định, đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao trình độ quản lý, tăng cường khả năng chuyên môn của các thành viên, phấn đấu trở thành một tập thể mạnh, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài khu vực.

- Tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường hoạt động, chủ yếu là tỉnh Bình Định và các tỉnh miền Trung... Thời gian tới Công ty đang có hướng mở rộng vào các tỉnh miền Nam, nơi mà có rất nhiều tiềm năng kinh tế lớn trong nước.

### ❖ Định hướng phát triển.

Với khẩu hiệu “Ngày mai phải tốt hơn ngày hôm nay”, Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long đã không ngừng vươn lên để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đã đề ra. Công ty hiện nay đã và đang đề ra những nhiệm vụ ngắn hạn và dài hạn để tiếp tục đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu mới.

- Công ty hướng tới thành công bằng việc cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo, nhằm mang tới sự hài lòng và lợi ích tối đa cho khách hàng;

- Giữ vững và phát huy tốc độ phát triển của Công ty về doanh số, thị phần thị trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tăng cường đào tạo, phát huy tính sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, nhân viên nhằm tăng hàm lượng trí tuệ trong mỗi sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

- Củng cố, hoàn thiện và mở rộng mạng lưới tiêu thụ hàng hoá, xây dựng vững chắc hệ thống làm nền tảng cho sự phát triển bền vững.

### ❖ Giải pháp thực hiện

- Luôn cập nhật thông tin mới nhất về thị trường, khách hàng, nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh để có được phương án tối ưu nhất cho từng đơn đặt hàng

- Kiểm soát tốt chi phí và nguồn lực

- Chủ động tiếp cận khách hàng, tư vấn trước và sau hợp đồng - Tìm hiểu kỹ khách hàng trước khi quyết định kí hợp đồng

- Duy trì mối quan hệ tốt với nhà cung cấp để giành được sự ủng hộ tốt nhất của họ đối với Công ty so với các đối thủ khác.

- Thực hiện nghiêm ngặt quy trình chuẩn để có được sự tín nhiệm từ khách hàng và nhà cung cấp.

- Xây dựng chính sách giá phù hợp với tình hình cạnh tranh trên thị trường.

- Thực hiện nghiêm ngặt các điều khoản hợp đồng với khách hàng, quy định thời gian gia hạn nợ cho khách hàng. Hầu hết các hợp đồng đều thanh toán trong thời gian ngắn nhất có thể.

- Đảm bảo đội ngũ nhân viên có trách nhiệm cao trong công việc, có đầu óc sáng tạo, thích ứng với mọi điều kiện khách hàng, có khả năng tham vấn đối với khách hàng, thực hiện công việc đạt hiệu quả.

- Phòng kế toán tài chính đáp ứng được yêu cầu quản lý tài sản và cung cấp thông tin của đơn vị nhanh chóng, chính xác trong giai đoạn mở rộng kinh doanh của doanh nghiệp.



Luôn luôn trong tâm thức là nâng cao trình độ, đọc và hiểu được những thông tư, nghị định, luật mới ban hành của Kế toán nói riêng, để từ đó hiểu và cập nhật cho doanh nghiệp mình, hạn chế những vi phạm không đáng có xảy ra.

## **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty**

### ***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long***

Với thị trường kinh tế hiện có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp về chất lượng, hình thức và giá cả sản phẩm đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và cải tiến mẫu mã, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng. Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long cũng không nằm ngoài quy luật đó. Song song với quá trình đổi mới về mọi mặt thì cũng cần phải hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi lẽ phần hành này phản ánh một cách trực tiếp nhất các thông tin liên quan đến tình hình tiêu thụ, về khả năng tạo ra lợi nhuận cũng như khả năng thu hồi vốn, luân chuyển vốn của Công ty. Việc đẩy nhanh quá trình bán hàng sẽ tiết kiệm vốn cũng như tiết kiệm được các khoản chi phí liên quan như chi phí bảo quản, chi phí quản lý... Những thông tin do kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cung cấp còn là cơ sở để các nhà quản trị biết được hiệu quả của các phương thức tiêu thụ để có sự điều chỉnh hợp lý về kế hoạch sản xuất cũng như sự điều chỉnh về các kênh phân phối sản phẩm của Công ty.

Ngoài ra thông tin về bán hàng và kết quả kinh doanh còn được những nhà đầu tư quan tâm. Đó là điều kiện thuận lợi đối với Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long khi Công ty có nhu cầu huy động vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên thực tế, Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long bên cạnh những thành tích đạt được vẫn còn một số tồn tại cần được khắc phục và hoàn thiện. Đồng thời việc hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là rất cần thiết đối với Công ty để Công ty phát triển bền vững.

### ***3.2.2. Phương hướng hoàn thiện***

Kế toán là một công cụ quan trọng trong quản lý kinh tế - tài chính, do vậy đổi mới và hoàn thiện công cụ này là một nhu cầu tất yếu của quản lý, là tiền đề quan trọng trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là công việc cần thiết, nhằm cung cấp thông tin chính xác nhất về tình hình tiêu thụ của Công ty, từ đó góp phần làm

tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty. Nhưng việc hoàn thiện phải có cơ sở khoa học, phương hướng hoàn thiện cũng như biện pháp hoàn thiện phải có tính khả thi đối với Công ty và phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Do đó, việc hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trước hết phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Một là, hoàn thiện phải trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính và chế độ kế toán. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý kinh tế của đơn vị mà còn là công cụ quản lý kinh tế của Nhà Nước. Việc tổ chức công tác kế toán tại đơn vị được phép vận dụng một cách sáng tạo và khoa học, không nhất thiết phải dập khuôn, máy móc theo đúng chế độ.

Hai là, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh để từ đó mang lại hiệu quả cao nhất. Các phương hướng đề ra trong công tác kế toán kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là tổ chức hợp lý trình tự và cách thức ghi chép sao cho công tác đối chiếu, kiểm tra đơn giản, nhanh gọn mà vẫn đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác nhất.

Ba là, hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn mang tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác kế toán.

### **3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.**

#### ***Giải pháp 1: Nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán***

##### **❖ Lý do kiến nghị:**

Do những biến động khách quan của thị trường cũng như biến động chủ quan của khách hàng mà dẫn đến việc khách hàng chậm thanh toán theo tiến độ như đã quy định trong hợp đồng, khế ước kí hết, dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn từ đó gây ra những tổn thất cho doanh nghiệp về lâu dài.

Chính sách Chiết khấu thanh toán cho khách hàng tuy là một khoản chi phí của mỗi doanh nghiệp nhưng nó mang đến hiệu quả khá tích cực. Ngoài ra việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán này sẽ tác động vào tâm lý khách hàng giúp khách hàng thanh toán nhanh chóng trước hạn và tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

Cụ thể: Tình hình khách hàng tháng 12 năm 2021 như sau:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Giá tiền phải thanh toán</b>
1	4
Công ty TNHH Hùng Phát	25.358.200
Công ty Cổ phần Phú Tài – Xí Nghiệp 380	52.368.210
Công Ty TNHH Tư vấn quản lý xây dựng Bình Định	87.365.890

Tổng	165.092.300
------	-------------

(Nguồn: Phòng kế toán)

Nếu 3 khách hàng đã nêu ở trên thanh toán đúng hạn thì ta sẽ thu hồi được tổng số tiền là 165.092.300. Với số tiền thu được Công ty sẽ dùng số tiền đó để đầu tư vào các công trình mới hoặc gửi ngân hàng, cho vay...., Cụ thể:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) có biểu lãi suất huy động so với ghi nhận đầu tháng trước nhìn chung không đổi. Do đó, khung lãi suất tiền gửi lĩnh lãi cuối kỳ dành cho khách hàng cá nhân vẫn có phạm vi từ 3,1%/năm - 5,5%/năm dành cho các kỳ hạn từ 1 tháng đến 36 tháng.

$$\begin{aligned} \text{Lãi suất thu được 1 năm nếu gửi với mức lãi suất cao nhất} &= 165.092.300 * 5,5\% \\ &= 9.080.076,5 \text{ đồng/năm} \end{aligned}$$

Với số tiền này, Công ty đã góp phần làm tăng được doanh thu và lợi nhuận cho mình. Cho thấy, nếu như tình trạng khách hàng thanh toán chậm, chiếm dụng vốn quá lâu sẽ dẫn đến những tổn thất cho Công ty là rất lớn không chỉ là hiện tại mà còn về lâu dài và kéo theo đó là những hệ lụy khác.

#### ❖ Cách thực hiện giải pháp:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của Công ty để đưa ra tỷ lệ chiết khấu hợp lý và phù hợp với tình hình kinh doanh của mình. Khi chấp nhận chiết khấu thanh toán cho khách hàng, kế toán định khoản như sau:

Trường hợp 1: Chiết khấu thanh toán sau khi bên mua đã thanh toán tiền hàng, bên chiết khấu thanh toán lập chứng từ chi; căn cứ vào chứng từ, kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 111, 112, 131

Trường hợp 2: Chiết khấu thanh toán sau theo hình thức bù trừ công nợ, bên chiết khấu thanh toán lập chứng từ khấu trừ công nợ; căn cứ vào chứng từ, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: Số tiền còn lại được nhận sau khi trừ chiết khấu thanh toán

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính: Tổng chiết khấu thanh toán phải trả

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ, kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chi phí tài chính

Mức hưởng chiết khấu theo ngày và tùy vào từng công trình cụ thể:

<b>Thời gian hưởng chiết khấu</b>	<b>Mức chiết khấu được hưởng</b>
15 < x < 30 ngày	1 %
30 < x < 60 ngày	2%
60 < x < 90 ngày	3%

(Theo tài liệu nghiên cứu của Công ty)

Cách tính chiết khấu cụ thể như sau: Cụ thể, ngày 31/12/2021 tình hình như sau:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Mức chiết khấu</b>	<b>Giá tiền phải thanh toán</b>	<b>Giá chiết khấu</b>	<b>Giá sau chiết khấu</b>
1	2	3	4	5=4*3	6=4-5
Công ty TNHH Hùng Phát	15	1%	25.358.200	253.582	25.104.618
Công ty Cổ phần Phú Tài – Xí Nghiệp 380	28	1%	52.368.210	523.682,1	51.844.527,9
Công Ty TNHH Tư vấn quản lý xây dựng Bình Định	31	2%	87.365.890	1.747.317,8	85.618.572,2
<b>Tổng</b>			165.092.300	2.524.582	162.567.718

+ Định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 635: 253.582

Có TK 131-HP: 253.582

Nợ TK 635: 523.682,1

Có TK 131-PT: 523.682,1

Nợ TK 635: 1.747.317,8

Có TK 131-TVBD: 1.747.317,8

+ Kết chuyển :

Nợ TK 911: 2.524.582

Có TK 635: 2.524.582

Dựa vào bảng trên ta thấy, Công ty sẽ thu hồi được tổng số vốn như ban đầu là 165.092.300 đồng. Khi áp dụng chính sách chiết khấu này, thì chi phí tài chính bỏ ra cho chiết khấu này là 2.524.582 đồng. Nhưng hiệu quả mà chính sách này mang lại là khi ta mang số tiền vốn được thu hồi này đi gửi ngân hàng, lãi tương ứng được hưởng từ số tiền này tạo ra khi gửi với lãi suất cao nhất là 9.080.076,5 đồng/năm, thì ta vẫn bù trừ được phần chiết khấu mà mình bỏ ra lúc đầu và còn thu về lại được 6.555.494,5 đồng, tạo ra được lợi nhuận hơn là ngồi chờ khách hàng trả tiền mà khả năng thu hồi lại lại chậm hơn sao với tiến độ đề ra.

Để thực hiện được mức chiết khấu trên cho khách hàng mà vẫn đảm bảo được doanh số thì Công ty nên ký kết với khách hàng bằng các hợp đồng mua bán, hai bên cùng thỏa thuận về số lượng, mẫu mã, tiêu chuẩn chất lượng, mức chiết khấu, hình thức thanh toán... để tránh rủi ro khi khách hàng vi phạm điều kiện mua bán.

#### ❖ **Kết quả đạt được:**

Chiết khấu thanh toán mang lại lợi ích cho cả người mua và nhà cung cấp. Trong đó, ưu điểm chính của chiết khấu thanh toán là các nhà cung cấp có thể được thanh toán sớm hơn từ đó có thể tăng khả năng lưu động vốn, đẩy nhanh dòng tiền. Nó cũng làm giảm nguy cơ người mua không thanh toán được hoặc thanh toán chậm. Cụ thể như sau:

- Dự báo dòng tiền chính xác hơn vì đã chắc chắn được thời gian thanh toán.
- Đầu tư vào R&D (nghiên cứu và phát triển) và tăng trưởng kinh doanh. Chi phí tài trợ thấp hơn so với các lựa chọn tài chính khác.

Tuy có chút thiệt hại về chi phí tài chính của doanh nghiệp, nhưng nó đem lại những lợi ích khi áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán này, đặc biệt hơn đối với những hợp đồng kinh tế có giá trị lớn, từ đó tạo ra được nhiều lợi nhuận hơn từ số tiền vốn đó.

Hiệu quả kinh doanh mang lại cao hơn, doanh nghiệp ngày càng phát huy hơn nữa để đạt được những lợi nhuận như mong muốn.

#### ***Giải pháp 2: Áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán.***

##### ❖ ***Lý do kiến nghị:***

Trong điều kiện tin học hóa, khoa học phát triển thì tin học được vận dụng một cách rộng rãi. Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long cũng đã áp dụng vào công tác quản lý cũng như kế toán nhưng chưa thật sự triệt để.

Hiện nay Công ty đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian công sức của kế toán như là: chưa tiết kiệm thời gian, báo cáo số liệu chậm, tiến độ chính xác không cao. Vì vậy, Công ty nên cân nhắc đầu tư sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế.

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

#### ❖ Cách thực hiện giải pháp:

Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với loại hình kinh doanh của mình.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,... giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Một số giao diện về các phần mềm kế toán phổ biến hiện nay:

- Phần mềm kế toán MISA.SME 2022: 4.450.000VNĐ/năm. Số lượng người dùng 03.
- Phần mềm kế toán Fast Accounting: 3.900.000 VNĐ/năm. Số lượng người dùng 02.
- Phần mềm kế toán 3TSoft Tiếng Việt (Bản thông tư 133): 2.000.000 VNĐ/năm. Số lượng người dùng 03.

Phần mềm kế toán MISA.SME cho doanh nghiệp vừa và nhỏ là giải pháp tối ưu hóa nhất, đem lại lợi ích và tiết kiệm tối đa chi phí cho doanh nghiệp và phù hợp với đặc điểm của Công ty. Và được áp dụng trong các trường hợp sau: Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại đơn giản, và mức độ quản lý không quá phức tạp, doanh nghiệp có yêu cầu quản trị cao hơn mô hình hoạt động lớn ở mức tương đối, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Cụ thể lợi ích mà phần mềm kế toán mang đến khi áp dụng như:

- Tiết kiệm thời gian: Phần mềm sẽ tự động hóa hầu hết các thao tác cơ bản, kế toán không phải xử lý thủ công nhiều, không phải tính toán bằng tay, tiết kiệm 50% thời gian, nâng cao hiệu quả công việc.

- Tổng hợp, xử lý và cung cấp báo cáo chính xác, kịp thời: Phần mềm sẽ tự động tổng hợp số liệu báo cáo căn cứ đầu vào kế toán cung cấp, hỗ trợ kiểm tra đối chiếu các sổ sách, báo cáo, đánh giá và xử lý. Giúp phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp theo nhiều chiều khác nhau một cách nhanh chóng.

- Đơn giản hóa công tác kế toán thuế: Phần mềm kế toán hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu sai sót đầu vào, đầu ra. Từ số liệu kế toán cung cấp tự động xử lý và tổng hợp các tờ khai thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính... nhanh chóng, chính xác và nhất quán.

- Tiết kiệm chi phí: Báo cáo phân tích chi tiết khoản mục chi phí phát sinh tại doanh nghiệp, đánh giá tỷ trọng chi phí trên doanh thu, giúp hiểu rõ những chi phí nào chưa hợp lý đưa ra phương án tiết kiệm chi phí, cắt giảm chi phí không cần thiết giúp tối ưu hóa lợi nhuận.

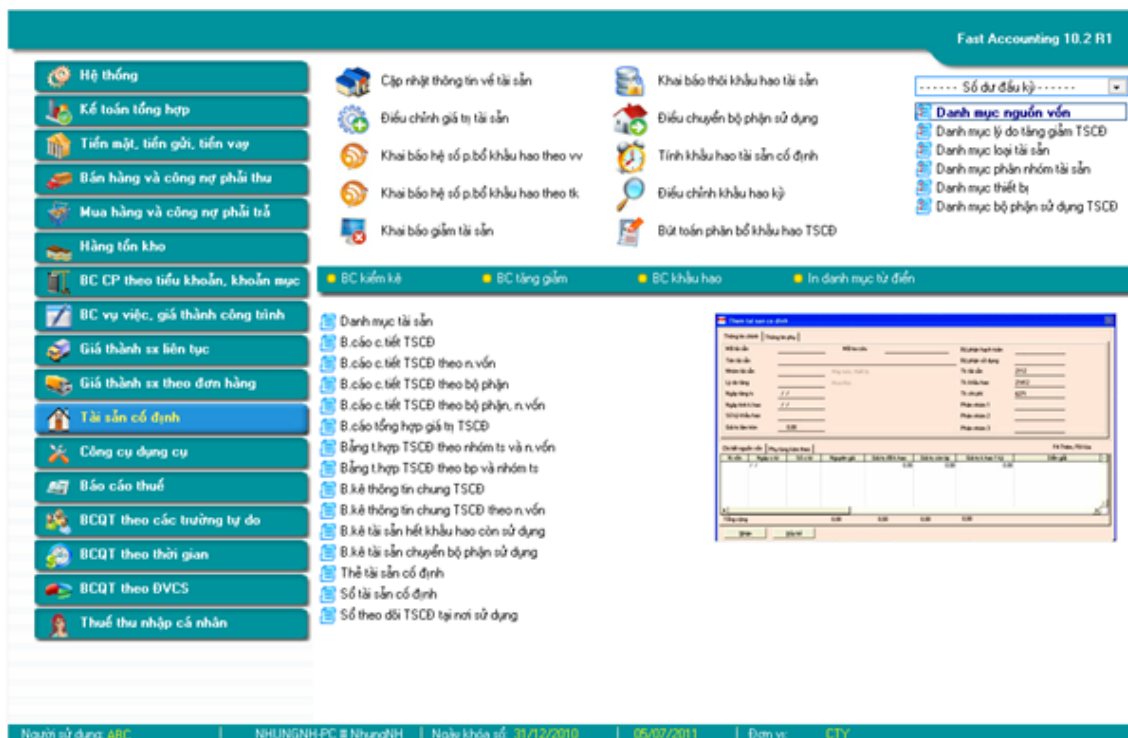
- Quản lý, giám sát công việc của nhân viên: Phần mềm giúp ghi nhận lại các giao dịch, thao tác thực hiện của nhân viên hàng giờ, hàng ngày. Số liệu, công việc thực hiện sẽ đều lên báo cáo, sổ sách ngay, giúp KTT nắm bắt và quản lý được kết quả công việc của nhân viên nhanh chóng, chính xác.

- Giảm mất mát dữ liệu, đảm bảo an toàn, bảo mật: Tài liệu kế toán phải được đơn vị kế toán bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và lưu trữ. Thời hạn lưu trữ ít nhất là 05 năm, 10 năm tùy từng loại chứng từ, sổ sách... Phần mềm sẽ tổ chức và lưu trữ dữ liệu giúp dễ dàng truy xuất hồ sơ khi cần, đảm bảo sao lưu thường xuyên để ngăn ngừa mất mát dữ liệu.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán Misa và Fast Accounting, 3Tsoft.



**Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA**



Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán 3Tsoft

❖ **Kết quả đạt được:**

Cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin hiện nay, Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long với khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều. Áp dụng



phần mềm kế toán giúp cho tiết kiệm được thời gian và công sức để hoàn thành một khối lượng công việc như nhau giảm bớt khó khăn cho kế toán trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu, tính toán, tổng hợp số liệu nhanh chóng và chính xác, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn.

Chi phí nhân viên kế toán cũng từ đó mà giảm theo, công tác quản lý được nâng cao, công việc hạch toán kế toán của công ty không bị chậm trễ. Từ đó đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác kế toán quản trị của Ban Giám Đốc. Giúp họ có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời cho doanh nghiệp của mình.

Áp dụng phần mềm kế toán đúng và phù hợp với đặc điểm kinh doanh sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với Công ty.

### ***Giải pháp 3: Về việc quản lý các khoản phải thu và trích lập nợ phải thu khó đòi.***

#### **❖ Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

- Công ty không trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thường bán hàng và cung ứng dịch vụ cho khách hàng theo các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn, nên khách hàng khi mua thường không thể trả tiền ngay hoặc trả hết trong một lần, dẫn đến công ty luôn tồn tại một số lượng lớn các khoản phải thu.

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Công ty tính toán khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

- Về phía Công ty, nếu dự phòng thực sự xảy ra thì đó là nguồn bù đắp thiệt hại, hơn nữa việc tăng chi phí làm giảm lãi, như vậy chi phí thuế TNDN phải nộp sẽ ít đi, điều này sẽ có lợi cho Công ty. Còn nếu lập dự phòng rồi mà giảm giá không xảy ra thì Công ty sẽ hoàn nhập dự phòng vào thu nhập bất thường mà vẫn đảm bảo cân bằng giữa doanh thu và chi phí.

#### **❖ Cách thực hiện giải pháp:**

Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng theo từng khoản nợ phải thu khó đòi khi có những dấu hiệu về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá ban đầu. Khoản nợ phải thu phải có chứng từ gốc và có đối chiếu xác nhận nợ bao gồm hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ,...

Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 6 Thông tư 48/2019/TT-BTC quy định về mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

\* TK sử dụng: TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản: Chi tiết TK 2293 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi, tài khoản này theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, từng khoản phải thu khó đòi mà doanh nghiệp đã lập dự phòng.

\* Phương pháp hạch toán

(1) Vào cuối niên độ kế toán, khi trích lập khoản dự phòng kế toán ghi:

Nợ TK 6422

Có TK 229 (2293)

(2) Cuối niên độ kế toán tiếp theo, nếu số cần trích lập nhỏ hơn số đã trích lập năm trước thì tiến hành hoàn nhập dự phòng:

Nợ TK 229 (2293): Số chênh lệch

Có TK 6422: Số chênh lệch

(3) Cuối niên độ kế toán tiếp theo, nếu số cần trích lập lớn hơn số đã trích lập năm trước thì tiến hành trích bổ sung:

Nợ TK 6422: Số chênh lệch

Có TK 229 (2293): Số chênh lệch

**Cách trích lập cụ thể như sau:** Tại thời điểm cuối năm 2020, qua xem xét số chi tiết phải thu khách hàng, kế toán lập bảng tổng hợp số phải thu khách hàng và thời gian quá hạn như sau:

Tên khách hàng	Số dư nợ phải thu (đồng)	Thời gian quá nợ tính đến 31/12/2020	Tỷ lệ trích lập dự phòng (%)	Số dự phòng cần trích lập (đồng)
Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Tiến Thành	27.500.000	10 tháng	30%	8.250.000
Công ty TNHH An Trường Thành	23.100.000	1 năm 6 tháng	50%	11.550.000
Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Minh Hưng	15.850.000	1 năm 1 tháng	50%	7.925.000
Cộng				27.725.000

(Nguồn: Tác giả tự thu thập)

+ Nghiệp vụ trích lập dự phòng như sau:

Nợ TK 642: 27.725.000

Có TK 2293: 27.725.000

+ Kết chuyển :

Nợ TK 911 : 27.725.000

Có TK 642 : 27.725.000

+ Giảm thuế TNDN phải nộp:

Nợ TK 3334: 5.545.000 (= 27.725.000\*20%)

Có TK 8211: 5.545.000

+ Kết chuyển chi phí thuế TNDN để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 8211 : 5.545.000

Có TK 911 : 5.545.000

– Kết chuyển lợi nhuận:

Nợ TK 421 : 5.545.000

Có TK 911 : 5.545.000

#### ❖ **Kết quả đạt được:**

Làm giảm chi phí thuế TNDN phải nộp 5.545.000 đồng. Đồng thời lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ giúp doanh nghiệp bù đắp được các thiệt hại thực tế xảy ra do không thu hồi được, đồng thời phản ánh trị giá thực tế thuần túy của doanh nghiệp nhằm phản ánh tính hợp lý và phản ánh đầy đủ đầy đủ kết quả kinh doanh.

Công ty nên phân tích tình hình thu hồi nợ, xem các khoản nợ thuộc nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, nợ quá hạn cụ thể để trích lập dự phòng nợ phải thu trong kỳ:

#### ❖ **Các biện pháp chủ yếu để thu hồi nợ:**

- Chuẩn bị sẵn sàng các chứng từ cần thiết đối với các khoản nợ sắp đến kỳ hạn thanh toán. Thực hiện kịp thời các thủ tục và đôn đốc khách hàng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Chủ động các biện pháp thích hợp để thu hồi các khoản nợ quá hạn như: đưa ra các chương trình khuyến mại, áp dụng chiết khấu một cách linh hoạt trong khuôn khổ cho phép nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa công ty và khách hàng

- Khi phát sinh các khoản nợ khó đòi công ty cần phân tích, đánh giá tìm hiểu rõ nguyên nhân và đề ra biện pháp thích hợp hạn chế tổn thất.

Bên cạnh đó, Công ty cũng nên lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi, để không ảnh hưởng xấu đến nguồn vốn quay vòng hoạt động kinh doanh của Công ty trong trường hợp khách hàng nợ nhiều mà chưa kịp thu hồi được. Từ đó giúp Công ty đứng vững trên thị trường và phát triển có hiệu quả.

## KẾT LUẬN

Đất nước ta đang trên đà phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa có sự quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Trong nền kinh tế đó đòi hỏi mỗi doanh nghiệp cần phải biết tự vươn lên khẳng định mình. Muốn đạt được điều này thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nói riêng càng phải được củng cố và hoàn thiện hơn nữa để công tác này thực sự trở thành công cụ quản lý tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi các thông tin cung cấp từ đây giúp các nhà quản lý nắm vững tình hình công ty và nắm bắt cơ hội kinh doanh để Công ty ngày càng phát triển.

Nhận thức được điều đó Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long đã rất chủ động, quan tâm tới khâu quản lý kinh doanh và xác định kết quả bán hàng, trong đó Phòng Kế toán đã góp phần không nhỏ vào thành công chung của Công ty. Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long đang dần khẳng định vị trí của mình trên thị trường cũng là nhờ có phương án kinh doanh hiệu quả và thực hiện tốt chức năng của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long em đã phần nào hiểu được mô hình, đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty, hiểu được thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cụ thể của Công ty. Trong thời gian tới, với quy mô kinh doanh càng mở rộng, em hy vọng rằng công tác tổ chức kế toán của Công ty sẽ hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao của nền kinh tế thị trường.

Bài báo cáo của em còn nhiều thiếu sót do những lý do chủ quan và khách quan mang lại, em rất mong được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn. Một lần nữa, Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn chu đáo và giúp đỡ nhiệt tình của Cô Trần Thu Vân và các anh chị phòng kế toán của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận của mình. Em xin chân thành cảm ơn!

*Quy Nhơn, ngày ... tháng năm 2022*

Sinh viên thực hiện

**Phạm Thị Ngọc Hà**

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2016), Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.
2. PGS.TS Trần Thị Cẩm Thanh (2014), Giáo trình tổ chức hạch toán kế toán, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia – Sự Thật, Hà Nội.
3. Nguồn tài liệu từ phòng Kế toán của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long
4. <https://tailieumau.vn/de-tai-ke-toan-doanh-thu-chi-phi-tai-cong-ty-xay-lap-dien-hay/>
5. <https://www.slideshare.net/trongthuy1/luan-van-ke-toan-doanh-thu-chi-phi-tai-cong-ty-xay-lap-dien-9d>
6. Chuẩn mực kế toán (số 14), hệ thống các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
7. Chuẩn mực kế toán Thuế thu nhập doanh nghiệp (VAS17).
8. Trần Thị Cẩm Thanh, Nguyễn Ngọc Tiên (2017), Slide bài giảng Nguyên lý kế toán Trường Đại học Quy Nhơn.

**PHỤ LỤC**

Phụ lục 1: Phụ lục 03-1A Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	117
Phụ lục 2: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp .....	118
Phụ lục 3: Hợp đồng (Số: 56/2021/ HĐ-TVXD).....	121
Phụ lục 4: Biên bản số 56 Nghiệm thu thiết kế công trình xây dựng .....	125
Phụ lục 5: Hợp đồng (Số: 59/2021/ HĐ-TVXD).....	127
Phụ lục 6: Biên bản số 59 Nghiệm thu thiết kế công trình xây dựng .....	131

**Phụ lục 1: Phụ lục 03-1A Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**PHỤ LỤC 03-1A  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	<b>Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:</b>		
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>[01]</b>	<b>13.563.434.698</b>
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	13.563.434.369
<b>2</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])</b>	<b>[03]</b>	<b>0</b>
a	Chiết khấu thương mại	[04]	0
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	0
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
<b>3</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>[08]</b>	<b>2.856.046</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])</b>	<b>[09]</b>	<b>12.814.019.238</b>
a	Giá vốn hàng bán	[10]	7.712.250.098
b	Chi phí bán hàng	[11]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	5.101.769.140
<b>5</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>[13]</b>	<b>0</b>
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	0
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])</b>	<b>[15]</b>	<b>752.271.506</b>
<b>7</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>[16]</b>	<b>0</b>
<b>8</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>[17]</b>	<b>0</b>
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận khác ([18]=[16]-[17])</b>	<b>[18]</b>	<b>0</b>
<b>10</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19]=[15]+[18])</b>	<b>[19]</b>	<b>752.271.506</b>



## Phụ lục 2: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

## TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2021 ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ:

Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%):

[06] Tên người nộp thuế : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT LONG

[07] Mã số thuế: 4100594629

[14] Tên đại lý thuế (nếu có):

[15] Mã số thuế:

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>A</b>	<b>Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính</b>	<b>A</b>	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	752.271.506
<b>B</b>	<b>Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>B</b>	
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)</b>	<b>B1</b>	<b>0</b>
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11)</b>	<b>B8</b>	<b>0</b>
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	752.271.506
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	752.271.506
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	0
<b>C</b>	<b>Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp ( TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	752.271.506
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0

3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	752.271.506
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	752.271.506
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	752.271.506
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C9a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10=(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	150.454.301
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	0
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0
9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	150.454.301
<b>D</b>	<b>Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)</b>	<b>D</b>	<b>150.454.301</b>
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	150.454.301
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
<b>E</b>	<b>Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)</b>	<b>E</b>	<b>149.284.216</b>
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	149.284.216
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
<b>G</b>	<b>Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)</b>	<b>G</b>	<b>1.170.085</b>
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	1.170.085
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-E2)	G2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	0
<b>H</b>	<b>20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)</b>	<b>H</b>	<b>30.090.860</b>
<b>I</b>	<b>Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)</b>	<b>I</b>	<b>(28.920.775)</b>

**L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)**[L1] Đối tượng được gia hạn [L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo: [L3] Thời hạn được gia hạn: [L4] Số thuế TNDN được gia hạn: [L5] Số thuế TNDN không được gia hạn: **M. Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)**[M1] Số ngày chậm nộp

[M2] Số tiền chậm nộp:

**I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:**

STT	Tên tài liệu
1	

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:**

Họ và tên:

Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày ký:

**Phụ lục 3: Hợp đồng (Số: 56/2021/ HĐ-TVXD)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2021*

**HỢP ĐỒNG**

(Số: 56/2021/ HĐ-TVXD)

**Gói thầu: “Tur vản thiết kế bản vẽ thi công – dự toán**

**Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ.**

giữa

Ban An Toàn Giao Thông Tỉnh Bình Định

và

Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại Ban An toàn giao thông tỉnh Bình Định; Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A):**

Tên giao dịch: Ban An Toàn Giao Thông Tỉnh Bình Định

- Đại diện là: Ông Trần Thanh Dũng

- Chức vụ: Phó trưởng ban thường trực

- Địa chỉ: Số 22 Ngô Quyền, TP. Quy Nhơn, T.Bình Định.

- Tài khoản số: 927.2.1072484 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định

- Mã ĐVQHNS: 1072484

**2. Đại diện nhà thầu (Bên B):**

Tên giao dịch: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

- Đại diện là: Ông Nguyễn Xuân Trung

- Chức vụ: Giám Đốc

- Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTTM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn Bình Định.

- Tài khoản số: 58010000200880. Tại ngân hàng BIDV – CN Bình Định

- Mã số thuế: 4100594629

Hai bên thống nhất thỏa thuận như nhau:

### **Điều 1: Khối lượng và tiến độ hoàn thành**

1. Tên Công trình : Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ.

2. Địa điểm xây dựng công trình : địa bàn huyện Phù Mỹ.

3. Vốn đầu tư được duyệt theo dự toán :

4. Tiến độ thi công.

- Ngày thi công : 01/12/2021.

- Ngày hoàn thành : 14/12/2021 .

5. Trong trường hợp đang thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, có những khối lượng phát sinh thì Bên A phải làm thủ tục, bổ sung khối lượng phát sinh để ghi vào hợp đồng.

### **Điều 2: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.**

1. Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và chất lượng xây lắp toàn bộ công trình, bảo đảm thi công theo thiết kế phù hợp với dự toán đã được duyệt, đúng quy trình, chất lượng theo đúng quy định của Luật Xây dựng; Luật Đấu thầu; Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định.

2. Phân tích, đánh giá và lập báo cáo kết quả đánh giá: Đảm bảo theo các quy định; Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định.

3. Đảm bảo tuyệt đối về số liệu, hồ sơ liên quan trong công tác lựa chọn nhà thầu.

4. Số lượng hồ sơ sản phẩm của hợp đồng, bàn giao cho đại diện chủ đầu tư, bao gồm:

+ BVTC: 10 bộ đối với mỗi gói thầu thi công.

+ HSĐT: 10 bộ đối với mỗi gói thầu thi công.

+ Báo cáo kết quả đánh giá BVTC: 04 bộ đối với mỗi gói thầu thi công..

+ Báo cáo kết quả đánh giá HSĐT: 04 bộ đối với mỗi gói thầu thi công.

### **Điều 3: Các điều kiện đảm bảo thực hiện hợp đồng.**

1. Trách nhiệm của bên A phải: Bàn giao mọi hồ sơ, tài liệu cần thiết cho bên B.

2. Trách nhiệm của bên B .

- Quản lý thống nhất sau khi được giao.
- Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự và an toàn lao động bên công trình.
- Tiếp nhận bảo quản các loại tài liệu, vật tư, kỹ thuật được bên A giao.

#### **Điều 4: Trị giá công trình xây lắp.**

1. Trị giá hợp đồng căn cứ vào dự toán được duyệt là 115.728.000 Đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).
2. Trong quá trình thực hiện nếu có quy định mới của nhà nước ban hành thì phần trị giá được điều chỉnh theo.

#### **Điều 5: Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.**

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:
  - a) Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên.
  - b) Thiết kế BVTC- Dự toán xây dựng hạng mục công trình.
  - c) Các quy định của Pháp luật về công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu hiện hành được áp dụng cho hợp đồng tư vấn.
2. Sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và đại diện chủ đầu tư đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn (đã được phê duyệt) do nhà thầu cung cấp, đại diện chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng hoàn thành hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

#### **Điều 6: Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng.**

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ.
2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài.
3. Việc gia hạn hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu chậm trễ do lỗi nhà thầu.

#### **Điều 7: Luật và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.**

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống Pháp luật Việt Nam.
1. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

**Điều 8: Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động.**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.
2. Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động thương lượng giải quyết bảo đảm hai bên cùng có lợi.

**Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng.**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/12/2021 đến ngày 14/12/2021 .
2. Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc

Trần Thanh Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc

Nguyễn Xuân Trung

*(Nguồn : Phòng kế toán)*

**Phụ lục 4: Biên bản số 56 Nghiệm thu thiết kế công trình xây dựng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Quy Nhơn, ngày 14 tháng 12 năm 2021*

**BIÊN BẢN SỐ 56**

**NGHIỆM THU THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*Gói thầu: “Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán*

*Công trình: Đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến QL1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ.*

1. Đối tượng nghiệm thu: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Chủ đầu tư : Ban An Toàn Giao Thông Tỉnh Bình Định.

Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật: Trần Thanh Dũng .

b) Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân Trung.

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 01/12/2021

Kết thúc: 14/12/2021

Tại: Ban An Toàn Giao Thông Tỉnh Bình Định.

4. Đánh giá hồ sơ thiết kế:

a) Về chất lượng thiết kế xây dựng công trình :

b) Về khối lượng công việc thiết kế xây dựng công trình:

c) Về hình thức, số lượng hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

d) Các vấn đề khác, nếu có.

5. Kết luận:

Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình;



Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thiết kế và các kiến nghị khác nếu có.

**NHÀ THẦU THIẾT KẾ XÂY  
DỰNG CÔNG TRÌNH**

Giám đốc

Trần Thanh Dũng

**CHỦ ĐẦU TƯ**

Giám đốc

Nguyễn Xuân Trung

*(Nguồn : Phòng kế toán)*

Hồ sơ nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình gồm:

Biên bản nghiệm thu thiết kế và các phụ lục kèm theo biên bản này;

Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

**Phụ lục 5: Hợp đồng (Số: 59/2021/ HĐ-TVXD)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Quy Nhơn, ngày 17 tháng 12 năm 2021*

**HỢP ĐỒNG**

(Số: 59/2021/ HĐ-TVXD)

**Gói thầu: “ gói thầu: Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi**

**Dự án: Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng**

giữa

Ban Quản lý dự án NN và PTNT

và

Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại Ban Quản lý dự án NN và PTNT; Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A):**

Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án NN và PTNT

- Đại diện là: Ông Tô Tấn Thi

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 200 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, T.Bình Định.

- Tài khoản số: 9527.2.2048534 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định.

- Mã số thuế:4101473835

- Thành lập Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh Bình Định.

**2. Đại diện nhà thầu (Bên B):**

Tên giao dịch: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long

- Đại diện là: Ông Nguyễn Xuân Trung

- Chức vụ: Giám Đốc

- Địa chỉ: Lô 3-OLP2-KĐTMM An Phú - P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn Bình Định.

- Tài khoản số: 58010000200880. Tại ngân hàng BIDV – CN Bình Định

- Mã số thuế: 4100594629

Hai bên thống nhất thỏa thuận như nhau:

### **Điều 1: Khối lượng và tiến độ hoàn thành**

1. Tên Công trình : Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát; hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng

2. Địa điểm xây dựng công trình : xã Cát Khánh, huyện Phù Cát

3. Vốn đầu tư được duyệt theo dự toán :

4. Tiến độ thi công.

- Ngày thi công : 17/12/2021.

- Ngày hoàn thành : 25/12/2021 .

5. Trong trường hợp đang thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, có những khối lượng phát sinh thì Bên A phải làm thủ tục, bổ sung khối lượng phát sinh để ghi vào hợp đồng.

### **Điều 2: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.**

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được bên B hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Đảm bảo tuyệt đối về số liệu, hồ sơ liên quan trong công tác lựa chọn nhà thầu.

3. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 09 bộ ( Kèm theo 02 đĩa CD sao chép tất cả các tài liệu đã nộp).

### **Điều 3: Các điều kiện đảm bảo thực hiện hợp đồng .**

1. Trách nhiệm của bên A phải: Bàn giao mọi hồ sơ, tài liệu cần thiết cho bên B.

2. Trách nhiệm của bên B .

- Quản lý thống nhất sau khi được giao.

- Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự và an toàn lao động bên công trình.

- Tiếp nhận bảo quản các loại tài liệu, vật tư, kỹ thuật được bên A giao.

#### **Điều 4: Trị giá công trình xây lắp.**

1. Trị giá hợp đồng căn cứ vào dự toán được duyệt là 161.440.000 Đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).
2. Trong quá trình thực hiện nếu có quy định mới của nhà nước ban hành thì phần trị giá được điều chỉnh theo.

#### **Điều 5: Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.**

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:
  - a) Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên.
  - b) Nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt.
  - c) Các quy định của Pháp luật về công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu hiện hành được áp dụng cho hợp đồng tư vấn.
2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành: 01 lần

Sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và đại diện chủ đầu tư đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn (đã được phê duyệt) do nhà thầu cung cấp, đại diện chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng hoàn thành hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

#### **Điều 6: Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng.**

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian trong vòng ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ.
2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài.
3. Việc gia hạn hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu chậm trễ do lỗi nhà thầu.

#### **Điều 7: Luật và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.**

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống Pháp luật Việt Nam.
1. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

#### **Điều 8: Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động.**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

2. Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động thương lượng giải quyết bảo đảm hai bên cùng có lợi.

**Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng.**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 17/ 12/ 2021 đến ngày 25/ 12/ 2021 .
2. Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.

Quy Nhơn, ngày 17 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc

Tô Tấn Thi

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc

Nguyễn Xuân Trung

*(Nguồn : Phòng kế toán)*

**Phụ lục 6: Biên bản số 59 Nghiệm thu thiết kế công trình xây dựng**

**BIÊN BẢN SỐ 59  
NGHIỆM THU THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*Gói thầu: “ Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi ”*

*Dự án: Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát; hạng mục:  
Hệ thống điện chiếu sáng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Quy Nhơn, ngày 25 tháng 12 năm 2021*

1. Đối tượng nghiệm thu: Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu: Ban Quản lý dự án NN và PTNT

a) Chủ đầu tư :

Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật: Tô Tấn Thi

b) Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long.

Họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân Trung.

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 17/12/2021

Kết thúc: 25/12/2021

Tại: Ban Quản lý dự án NN và PTNT

4. Đánh giá hồ sơ thiết kế:

a) Về chất lượng Lập báo cáo nghiên cứu khả thi Hệ thống cấp điện:

b) Về khối lượng công việc:

c) Về hình thức, số lượng hồ sơ;

d) Các vấn đề khác, nếu có.

5. Kết luận:

Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu Báo cáo nghiên cứu;

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thiết kế và các kiến nghị khác nếu có.

**NHÀ THẦU THIẾT KẾ XÂY  
DỰNG CÔNG TRÌNH**

Giám đốc

Tô Tấn Thi

**CHỦ ĐẦU TƯ**

Giám đốc

Nguyễn Xuân Trung

*(Nguồn : Phòng kế toán)*

Hồ sơ nghiệm thu Báo cáo xây dựng công trình gồm:

Biên bản nghiệm thu Báo cáo và các phụ lục kèm theo biên bản này;

Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.